

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 511.../CV-ACBS.24

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  - Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
  - Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh;
  - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000
- Fax: (028) 7300 3751
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Nguyệt  
Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Pháp chế

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/03/2024 tại đường dẫn: <http://acbs.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



**Đại diện tổ chức**  
Người UQ CBTT

Nguyễn Thị Nguyệt



**ACBS**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Hội sở | Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury,  
117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM

☎ 1900 555 33

🌐 [acbs.com.vn](http://acbs.com.vn)



# MỤC LỤC

<b>1. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN</b>	<b>4</b>	<b>6. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>36</b>
<b>2. VỀ ACBS</b>	<b>5</b>	6.1   Hội đồng thành viên	
2.1   Thông tin khái quát		6.2   Ban kiểm soát	
2.2   Ngành nghề và địa bàn kinh doanh		6.3   Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	
2.3   Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý		<b>7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>39</b>
2.4   Định hướng phát triển		7.1   Ý kiến kiểm toán	
2.5   Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh		7.2   Báo cáo tài chính	
<b>3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023</b>	<b>15</b>	<b>8. KẾ HOẠCH 2024</b>	<b>81</b>
3.1   Tình hình hoạt động kinh doanh		8.1   Triển vọng thị trường 2024	
3.2   Tổ chức và nhân sự		8.2   Kế hoạch phát triển Khối bán lẻ	
3.3   Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án		8.3   Kế hoạch phát triển theo xu thế Chuyển đổi số 2024	
3.4   Tình hình tài chính			
3.5   Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu			
3.6   Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty			
<b>4. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>26</b>		
4.1   Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh			
4.2   Tình hình tài chính			
4.3   Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý			
4.4   Kế hoạch phát triển trong tương lai			
4.5   Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán			
4.6   Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty			
<b>5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>32</b>		
5.1   Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2023			
5.2   Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty			
5.3   Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên			





**Thông điệp**  
**của Chủ Tịch**  
**Hội đồng Thành viên**



## 01 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Năm 2023 vừa qua là một năm của nhiều thách thức, căng thẳng địa chính trị ở một số khu vực trên thế giới, thương mại toàn cầu giảm sút, nhiều quốc gia có tỷ lệ lạm phát cao buộc các Ngân hàng Trung ương neo giữ lãi suất ở mức cao làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của nhiều quốc gia.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2023 cũng đối mặt với nhiều thách thức nhưng với sự nỗ lực của Chính phủ và các cơ quan quản lý trong việc thay đổi một loạt các chính sách và triển khai nhiều chương trình hành động đã giúp nền kinh tế đạt được một số thành quả nhất định như lạm phát ở mức kiểm soát, lãi suất và tỷ giá ở mức thấp và ổn định, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, GDP tăng 5,05%... Qua năm 2024, các khó khăn vẫn còn, tuy có giảm bớt so với năm trước nhưng hy vọng sẽ có nhiều điểm sáng tích cực sau các chính sách và chương trình hành động của Chính phủ giúp khôi phục và phát triển nền kinh tế.

**Năm 2023, ACBS đã thực hiện thành công một số công việc trọng yếu và có mức lợi nhuận sau thuế tăng 403% so với năm 2022.** Đây là một kết quả đáng khích lệ, đánh dấu những bước tiến đầu tiên trong quá trình thực hiện chiến lược của Công ty. Có được kết quả này là nhờ sự nỗ lực của toàn thể đội ngũ nhân viên ACBS cùng đồng lòng **thay đổi - hoàn thiện - phát triển** trong suốt thời gian qua.

Bước qua năm 2024 với mức vốn điều lệ 7.000 tỷ đồng, ACBS vẫn tiếp tục hoàn thiện và phát triển để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược như hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro, bổ sung đội ngũ nhân viên có năng lực, đặc biệt là các vị trí nhân sự chủ chốt, tái cấu trúc mạng lưới, nâng cấp core và hệ thống giao dịch với khách hàng, hoàn thiện chất lượng dịch vụ và chính sách kinh doanh... nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường.

Với tiêu chí **“Lấy khách hàng làm trọng tâm”**, ACBS sẽ không ngừng cải tiến để mang đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tốt nhất. Đồng thời, chúng tôi luôn đặt mục tiêu trở thành đối tác đồng hành đáng tin cậy, cùng chia sẻ tầm nhìn và giá trị cốt lõi về một sự phát triển bền vững và những ảnh hưởng tích cực dành cho môi trường, xã hội và quản trị.

Thay mặt Công ty chứng khoán ACB, tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành của quý khách hàng và đối tác. Với sự hợp tác của Quý vị, tin rằng chúng ta sẽ có những thành công vượt trội trong năm 2024.

**Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên  
**ĐỖ MINH TOÀN**





**VỀ ACBS**



## 2.1 | THÔNG TIN KHÁI QUÁT

● Tên đầy đủ

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

● Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

**0302030508**

● Địa chỉ

**Tầng 3 - Tòa nhà Léman Luxury,  
số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**

 **(028) 7300 7000**

 **(028) 7300 3751**

 **<http://www.acbs.com.vn>**



**ACBS**

Vốn điều lệ

**4.000.000.000.000 VND**  
(Bốn nghìn tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu

**5.600.000.000.000 VND**  
(Năm nghìn sáu trăm tỷ đồng)



## Quá trình hình thành và phát triển





## Các sự kiện khác trong năm 2023

Từ năm 2022 - 2023 được xem là giai đoạn ACBS tích cực thay đổi nhận diện thương hiệu của hệ thống chi nhánh trên cả nước. Tất cả đều được trang bị không gian làm việc mở, lối kiến trúc hiện đại cùng chủ đề là **GREEN MOUNTAIN**. Chủ đề này gắn liền với sứ mệnh bảo vệ môi trường và tầm nhìn thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ ngày càng phát triển trong tương lai.

**Các chi nhánh đã được tân trang và xây mới trong giai đoạn này bao gồm**



### **CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Tầng 3, số 10 Phan Chu Trinh, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội



### **CHI NHÁNH MẠC ĐÌNH CHI**

Tầng 3, số 41 Mạc Đĩnh Chi, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM



### **CHI NHÁNH ĐÔNG SÀI GÒN**

Tầng 3, số 53-55 Nguyễn Hữu Cảnh, P.12 Q.Bình Thạnh, TP.HCM



## 2.2 | NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Chứng khoán ACB hoạt động với đầy đủ chức năng của một Công ty chứng khoán bao gồm

- **Môi giới chứng khoán**
- **Tự doanh chứng khoán**
- **Bảo lãnh phát hành chứng khoán**
- **Tư vấn đầu tư chứng khoán**
- **Kinh doanh chứng khoán phái sinh**
- **Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh**
- **Phát hành chứng quyền có đảm bảo và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có đảm bảo**
- **Dịch vụ Lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính**

Hội sở của ACBS tại TP.HCM và có 12 chi nhánh trải dài khắp cả nước

- **CHI NHÁNH HÀ NỘI**  
10 Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
15 Hoàng Diệu, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng
- **CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**  
218 Bạch Đằng, P.Phước Ninh, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
- **CHI NHÁNH KHÁNH HOÀ**  
80 Quang Trung, P.Lộc Thọ, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- **CHI NHÁNH VŨNG TÀU**  
111 Hoàng Hoa Thám (Lầu 2 Lô A3-A8), P.2, TP.Vũng Tàu
- **HỘI SỞ VÀ 6 CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**
  - Hội Sở**  
Lầu 3, tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM
  - Chi nhánh Trương Định**  
107N Trương Định, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM
  - Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi**  
41 Mạc Đĩnh Chi, P.Đakao, Q.1, TP.HCM
  - Chi nhánh Cách Mạng Tháng 8**  
197A-197B-197C-197/1 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3, TP.HCM
  - Chi nhánh Chợ Lớn**  
321-323 Trần Phú, P.8, Q.5, TP.HCM
  - Chi nhánh Đông Sài Gòn**  
Tầng 3, Tòa nhà 53-55 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
  - PGD Nguyễn Thị Minh Khai**  
442 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM
- **CHI NHÁNH CẦN THƠ**  
17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Tân An, TP. Cần Thơ





## Vinh danh tiêu biểu



Tháng 11/2023, Công ty Chứng khoán ACB được vinh danh là **Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2023** bởi **Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD)**. Đây là minh chứng cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của ACBS trong sứ mệnh phục vụ khách hàng, chuyển đổi số mạnh mẽ và luôn tích cực tham gia vào những hoạt động đổi mới của thị trường.



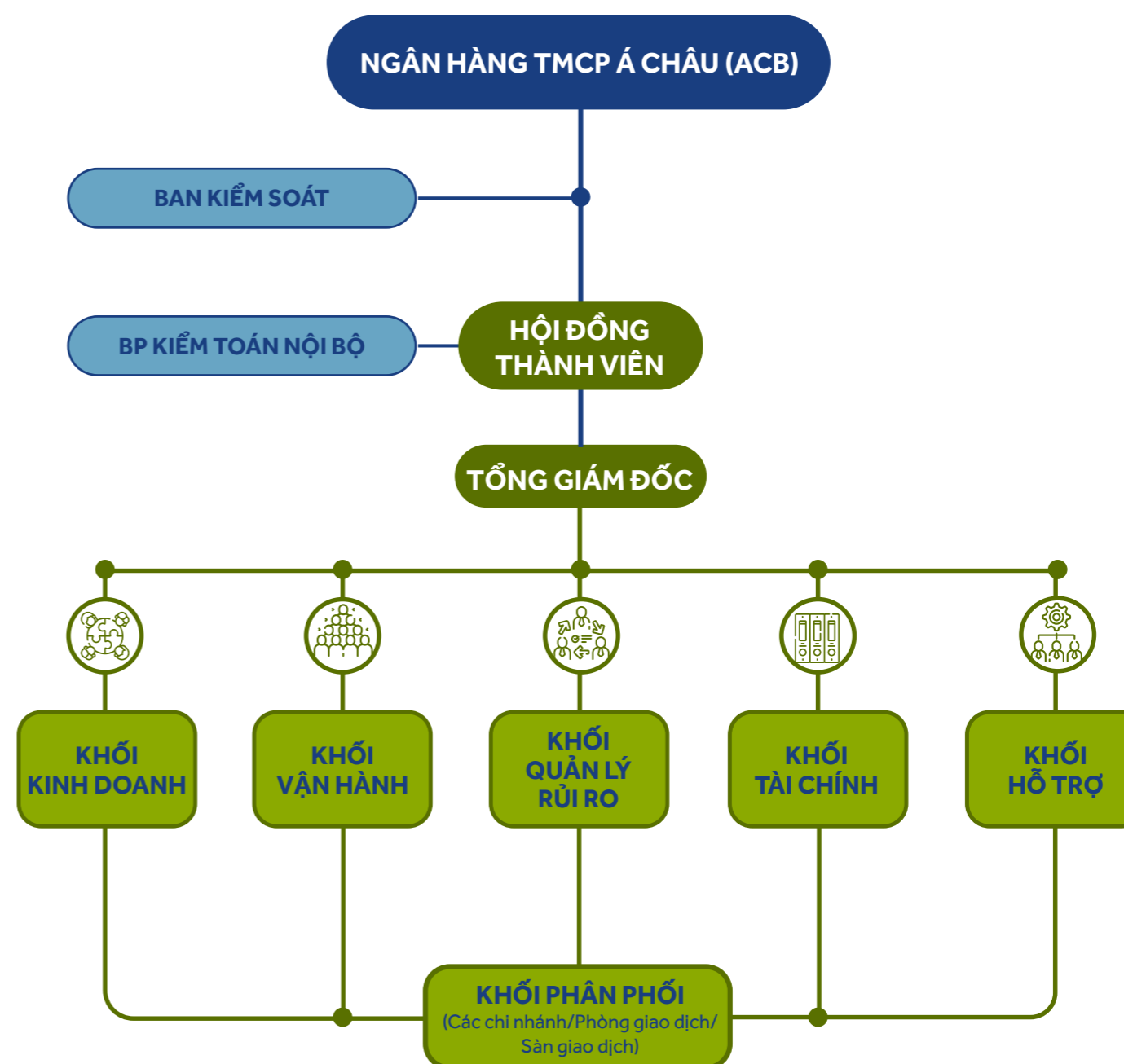
## 2.3 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### Mô hình quản trị

ACBS hoạt động với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, với 100% vốn chủ sở hữu từ Ngân hàng TMCP Á Châu.

Người đại diện Pháp luật là Ông **ĐỖ MINH TOÀN**  
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

### Cơ cấu bộ máy quản lý





## Các Công ty con, Công ty liên kết

**Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC)**, là Công ty con với 100% vốn từ Công ty TNHH Chứng khoán ACB. ACBC được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008 với những chức năng và nhiệm vụ như sau



**THÀNH LẬP VÀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**



**QUẢN LÝ CÁC DANH MỤC ĐẦU TƯ CHO CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**



**HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ VÀO VIỆT NAM**



**TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**





## 2.4 | ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Mục tiêu trọng yếu

**Mục tiêu của ACBS trong năm 2024 là lợi nhuận trước thuế tăng trưởng hơn 50% so với năm 2023.** Thoạt nhìn, đây tưởng chừng là thách thức khó có thể vượt qua, nhưng nếu nhìn vào bức tranh tổng thể của nền kinh tế và thị trường chứng khoán, đặc biệt là nội lực của ACBS, chúng ta có thể thấy rằng dù có rất nhiều thách thức nhưng sự tự tin là khả thi.

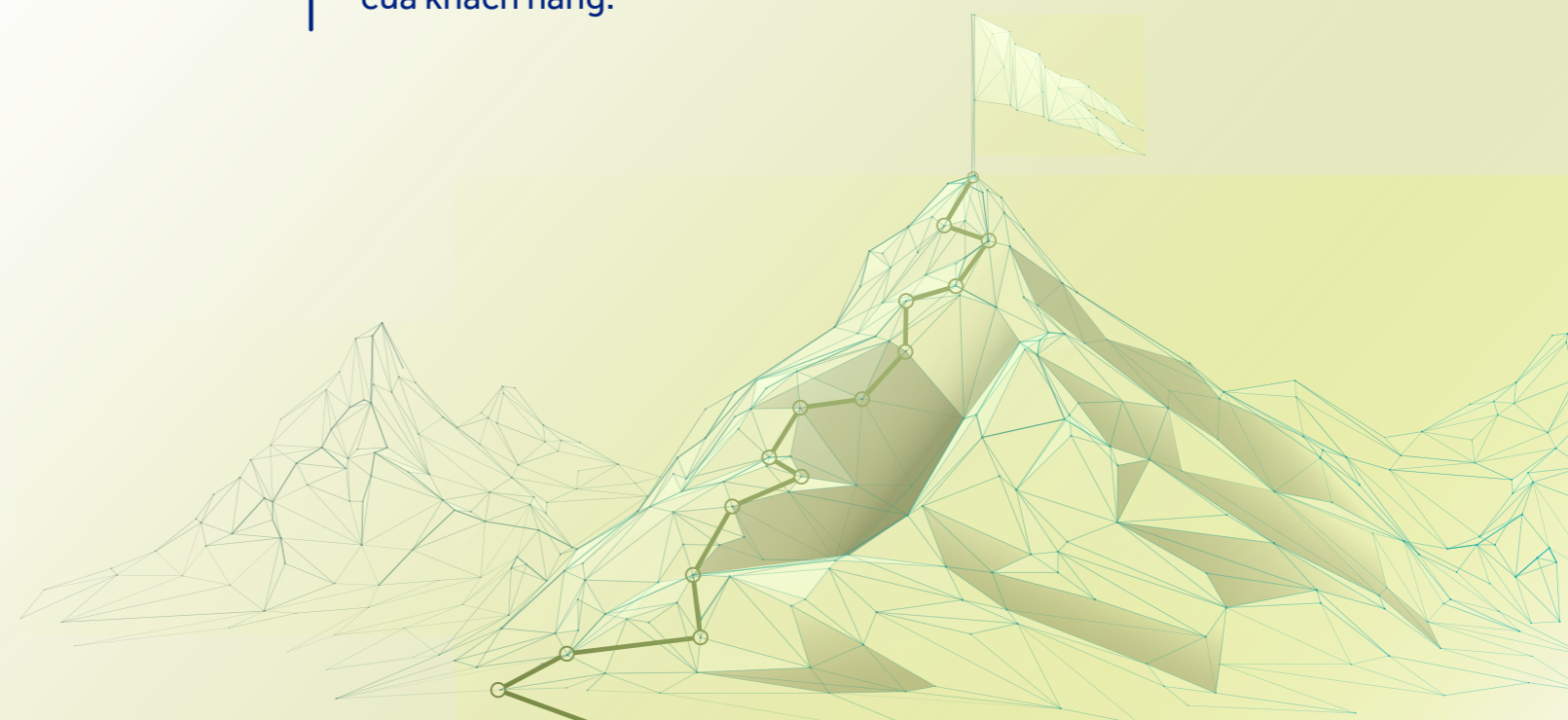
**Thứ nhất là TTCK Việt Nam năm 2024 sở hữu nhiều triển vọng về tăng trưởng cao,** phát triển lành mạnh, cởi mở, minh bạch, chuyên nghiệp, điều này sẽ tạo nền tảng vững vàng cho sự phát triển của tất cả các doanh nghiệp nói chung và ACBS nói riêng.

**Thứ hai là xét về nội lực của ACBS.** Trong năm 2023, Công ty tăng trưởng quy mô rất khả quan, đồng thời duy trì được cấu trúc tài chính lành mạnh, thanh khoản dồi dào và an toàn vốn cao. Quy mô tổng tài sản của ACBS tăng mạnh, hơn gấp đôi so với cùng kỳ, đạt xấp xỉ 12.000 tỷ đồng. Đây là mức cao nhất kể từ khi đi vào hoạt động tới nay.

Bên cạnh đó, dư nợ cho vay tăng vượt trội và đạt kỷ lục 4.500 tỷ đồng. Cung vốn của chúng tôi đến từ đa dạng tổ chức, với tổng dư nợ vay vốn đạt xấp xỉ 6.000 tỷ đồng và hạn mức tín dụng được cấp bởi các tổ chức tín dụng đạt trên 10.000 tỷ đồng. Điều đó hoàn toàn đáp ứng đầy đủ, linh hoạt nhu cầu sử dụng vốn của Công ty, đảm bảo ACBS luôn có đầy đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và tài trợ cho khách hàng.

### Kế hoạch phát triển

Hoạt động kinh doanh của ACBS được xây dựng vững chắc trên **3 trụ cột chính, đó là Dịch vụ chứng khoán, Tự doanh chứng khoán và Tư vấn tài chính doanh nghiệp.** Trong đó mảng Dịch vụ chứng khoán bao gồm hoạt động cho vay ký quỹ là hoạt động cốt lõi, đóng góp lớn vào cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong những năm qua. Do đó trong năm 2024, chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực cho mảng kinh doanh này bởi đây được xem là hoạt động tạo ra doanh thu ổn định và bền vững. Ngoài mảng dịch vụ chứng khoán, ACBS cũng chú trọng phát triển các mảng kinh doanh khác như chứng khoán phái sinh, tư vấn tài chính và tự doanh. Song song đó, ACBS cũng không ngừng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới ở thị trường trong nước và quốc tế để triển khai trong thời gian tới, hướng tới hệ sinh thái sản phẩm đa dạng, giúp gia tăng tài sản của khách hàng.





## 2.5 | CÁC RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

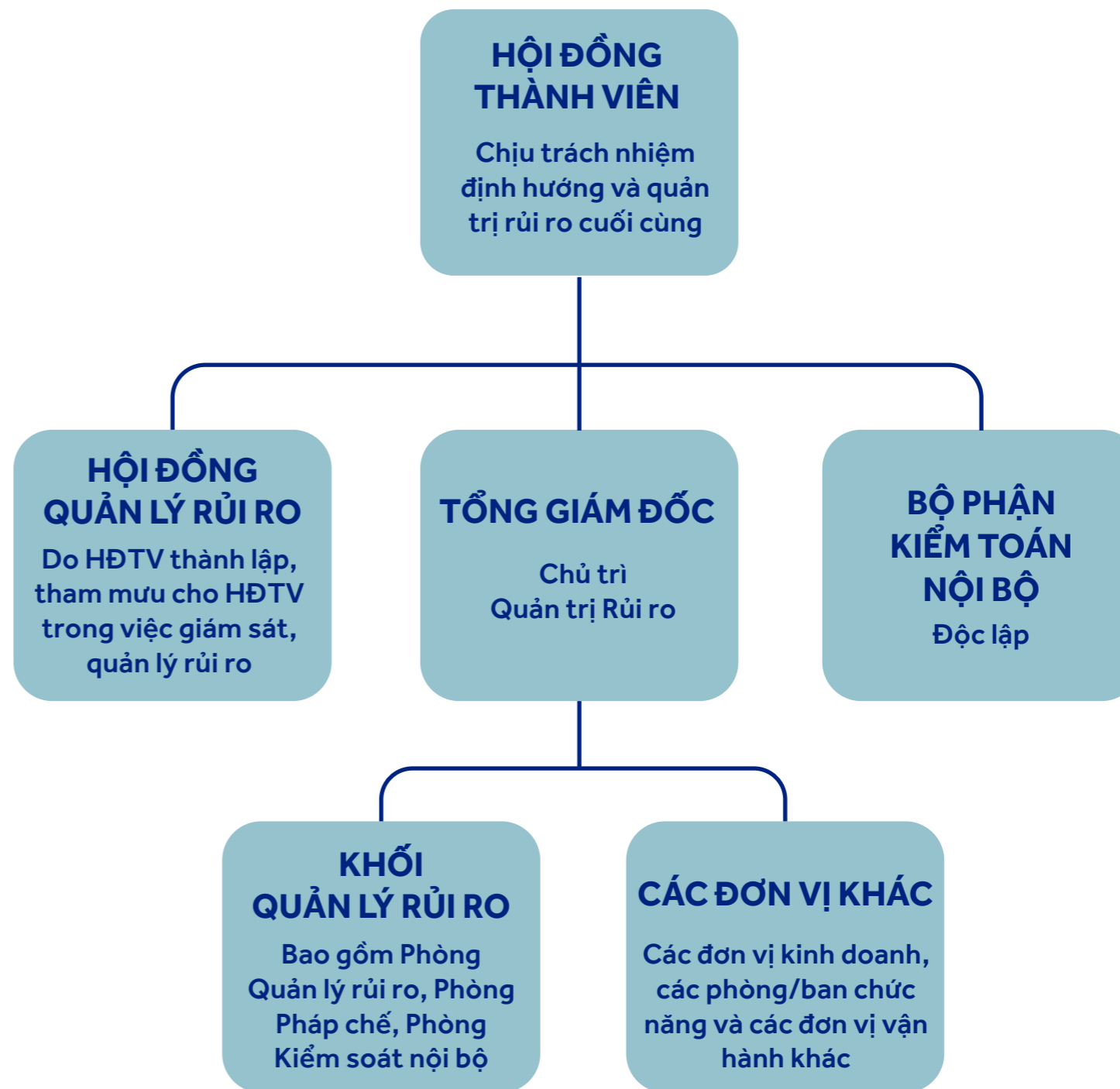
### Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

Trong năm 2023, nền kinh tế thế giới có nhiều điểm sáng khi lạm phát được kiểm soát ổn định, chính sách tiền tệ của FED đã đạt đỉnh thất chặt trong năm 2023 và trở nên mềm mỏng hơn từ năm 2024. Trong nước, tình hình kinh tế và chính trị - xã hội Việt Nam có nhiều điểm nổi bật khi liên tục có các cải cách về mặt chính sách, góp phần làm tăng tính minh bạch trong nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán, Chính phủ tiếp tục xúc tiến phát triển đầu tư công và thu hút nguồn vốn FDI, nền kinh tế được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2024.

Tuy nhiên, những lo ngại về suy thoái kinh tế vẫn tồn tại, kéo theo sự giảm tốc trong tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc, EU và những rủi ro tiềm tàng khác, đặc biệt là rủi ro địa chính trị khiến ACBS đặt mục tiêu quản trị rủi ro lên hàng đầu nhằm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của cơ quan Nhà nước và tạo tiền đề vững chắc để ACBS đạt được mục tiêu kế hoạch tăng trưởng do Ban lãnh đạo đề ra.

### Mô hình quản lý rủi ro tại ACBS

Bên cạnh việc áp dụng mô hình quản trị rủi ro gồm 3 tuyến bảo vệ, xuyên suốt từ Hội đồng Thành viên, Hội đồng quản trị rủi ro, Ban Tổng giám đốc và toàn thể phòng/ban, nhân viên của Công ty, ACBS còn vận dụng và cải tiến công nghệ như dữ liệu lớn, các mô hình quản trị rủi ro tiên tiến để tầm soát và nhận diện rủi ro. Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng đối với các sản phẩm mới trên thị trường, ACBS cũng cần cập nhật, nâng cấp các công cụ kiểm soát rủi ro phù hợp.



Mô hình quản lý rủi ro tại ACBS





**Tình hình hoạt động**  
trong năm **2023**



### 3.1 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2023, ACBS đã đạt được nhiều thành công, bảng tổng kết tài sản tăng trưởng cao và lợi nhuận vượt kế hoạch. Đồng thời chúng tôi duy trì được cấu trúc tài chính lành mạnh, thanh khoản dồi dào và an toàn vốn cao. Cụ thể như sau

- **Tổng tài sản đạt gần 12.000 tỷ đồng, tăng 108% và vượt kế hoạch nội bộ đề ra.**
- Cho vay margin đạt xấp xỉ 4.600 tỷ, tăng 123% và hoàn thành 100% kế hoạch.
- Vay vốn đạt gần 6.000 tỷ, tăng 4 lần so với đầu năm.
- **Lợi nhuận trước thuế đạt 492 tỷ đồng, tăng 5 lần so với năm 2022 và hoàn thành 120% kế hoạch.**
- Khả năng sinh lời được cải thiện do tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 5,6% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 10,1%.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động so với thu nhập được cải thiện, giảm mạnh chỉ còn 22% so với mức 55,6% vào cuối năm 2022.
- Năm 2023 là năm đầu tiên đánh dấu sự bùng nổ hoạt động hợp tác giữa ACBS và các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Cụ thể ACBS được cấp tổng cộng trên 10.000 tỷ hạn mức tín dụng và tiếp tục được nâng cấp cả về chiều sâu và chiều rộng, đảm bảo ACBS luôn có đầy đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và tài trợ cho khách hàng.
- ACBS sở hữu chất lượng tài sản tốt và không phát sinh nợ xấu.



## 3.2 | TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### a. Thông tin hội đồng thành viên



Ông **Đỗ Minh Toàn**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

— Nhiệm kỳ 2023 - 2028 —

Ông Đỗ Minh Toàn được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS. Hiện ông còn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng đầu tư, Chủ tịch Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng, Chủ tịch Hội đồng Công nghệ thông tin, Chủ tịch Hội đồng Quản lý rủi ro tại ACBS.

Ông Toàn gia nhập ACB từ năm 1995 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt trong Tập đoàn. Năm 2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Ngân hàng ACB và giữ vị trí này trong 3 nhiệm kỳ liên tiếp (9 năm). Hiện ông vẫn kiêm nhiệm các chức vụ quan trọng tại ACB và ACBC.

Ông Toàn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Columbia Southern tại Hoa Kỳ và Cử nhân ngành Ngân hàng của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ông cũng là Cử nhân Quản trị Ngoại thương của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM và Cử nhân Luật của Trường Đại học Luật TP.HCM.



Ông **Nguyễn Đức Thái Hân**

Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên

— Nhiệm kỳ 2023 - 2028 —

Ông Nguyễn Đức Thái Hân được bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS. Trước đó, ông từng giữ vai trò Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS. Hiện ông còn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng ALCO tại ACBS.

Ông Hân tốt nghiệp Cử nhân khoa học, ngành vật lý lý thuyết của Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM. Năm 1994, ông tham gia công tác tại ACB và kiêm nhiệm qua các vị trí Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu và phát triển, Phó Trưởng Phòng Tín dụng, Trưởng Phòng Kinh doanh tiền tệ, Trưởng Phòng Kinh doanh vốn, Trưởng Phòng Kinh doanh ngoại hối.

Từ năm 2008, ông Hân đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ACB. Tại ACB, ông đồng thời được phân công chỉ đạo hoạt động của Khối Thị trường Tài chính và Phó Chủ tịch ALCO.



Ông **Trịnh Bảo Quốc**

Thành viên Hội đồng Thành viên

— Nhiệm kỳ 2023 - 2028 —

Ông Trịnh Bảo Quốc trở thành Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị của ngân hàng ACB từ tháng 4/2023. Hiện ông đang giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Thành viên của ACBS nhiệm kỳ 2023 - 2028. Ông Quốc còn là Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Đầu tư Công ty TNHH Thiên Hương và thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn KCN Việt Nam.

Ông tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường kinh doanh Berkeley Haas, Đại học California, Hoa Kỳ đồng thời cũng là cử nhân sinh vật học và cử nhân sử học, Trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ.



Ông **Huỳnh Duy Sang**

Thành viên Hội đồng Thành viên

— Nhiệm kỳ 2023 - 2028 —

Ông Huỳnh Duy Sang được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Thành viên ACBS và đảm nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng ALCO. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Tài chính ACBS kể từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2022.

Ông bắt đầu công tác tại Tập đoàn từ tháng 11/2006 với vị trí Chuyên viên kinh doanh ngoại hối và vàng. Trong suốt thời gian công tác tại ACB, ông đã nắm giữ các vị trí quản lý tại tập đoàn, bao gồm Phó giám đốc Trung tâm giao dịch vàng, Giám đốc dự án quản lý kinh doanh Ngân quỹ, Phó phòng kinh doanh ngoại hối và vàng, Trưởng phòng kinh doanh ngoại hối và vàng.

Ông Sang tốt nghiệp xuất sắc chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính ngân hàng của Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe, hiện tại ông cũng đang là thành viên chính thức của Hiệp hội CFA thuộc biên chế Singapore Society trực thuộc CFA Institute US.



## 03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

### b. Ban Tổng giám đốc



**Ông Nguyễn Đức Hoàn**

Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính Việt Nam và quốc tế. Ông Nguyễn Đức Hoàn được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc ACBS từ ngày 22/06/2022. Ông ưu tiên hàng đầu là kiểm soát rủi ro, từ việc nhận diện đến xây dựng các hệ thống ngăn chặn để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Leicester và Thạc sĩ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance) tại Đại học Westminster của Vương quốc Anh. Với những chuyên môn được rèn giũa tại nước ngoài, ông Hoàn đã có những đóng góp quan trọng khi làm việc tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.

Ông cũng từng giữ những chức vụ quan trọng như Tổng giám đốc và Thành viên Hội đồng Thành viên của các công ty như Công ty cổ phần quỹ Tín Phát, Công ty Chứng khoán KB và Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.



**Ông Lê Hoàng Tân**

Phó Tổng giám đốc

Ông Lê Hoàng Tân được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc ACBS từ ngày 12/12/2023. Tham gia Ban Tổng giám đốc, ông Tân trực tiếp quản lý và điều hành mảng hoạt động kinh doanh môi giới cá nhân và tổ chức.

Ông Tân đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong bộ phận kinh doanh môi giới, phân tích, tư vấn đầu tư tại Công ty chứng khoán MBS và Asean. Ngoài ra, ông từng đảm nhiệm song song vị trí Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty CP Công nghệ Tiên Phong và Tổng Công ty năng lượng dầu khí Việt Nam (PV EIC).

Ông Tân tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế của Đại học Kinh Tế TP.HCM

### c. Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc

#### THÁNG 10/2023

Ông Hoàng Công Nguyên Vũ từ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc ACBS.

#### THÁNG 12/2023

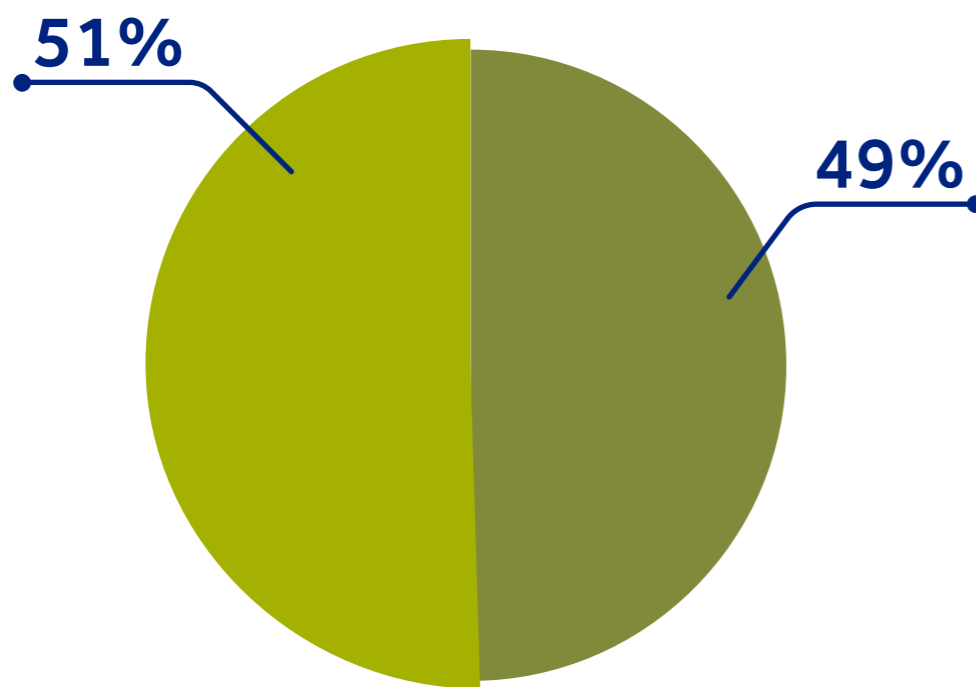
Chủ tịch Hội đồng Thành viên chính thức bổ nhiệm ông Lê Hoàng Tân đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc ACBS.

## 03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

### d. Số lượng cán bộ, nhân viên

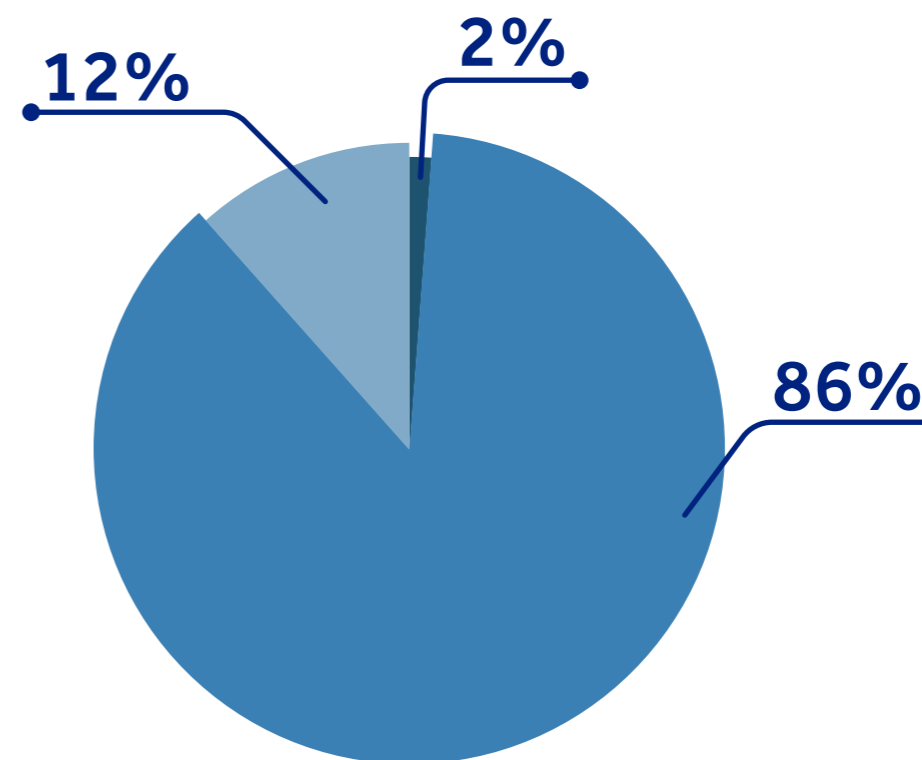
Tính đến ngày 31/12/2023, ACBS đạt quy mô nhân sự gần 400 nhân viên, trong đó 368 nhân sự đạt trình độ đại học và trên đại học chiếm 98% và hơn 200 nhân sự có Chứng chỉ hành nghề. Cơ cấu nhân sự như sau

THEO GIỚI TÍNH



Nam | Nữ

THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



Đại học | Thạc sĩ | Khác



## e. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động



### Chính sách và hoạt động đãi ngộ người lao động

ACBS xây dựng chính sách lương thưởng có tính cạnh tranh trên cơ sở khảo sát lương của thị trường lao động, căn cứ trên các tiêu chí công bằng, minh bạch tương xứng với kết quả và chất lượng công việc.

Thu nhập của nhân viên được xác định theo kết quả hoàn thành công việc của ACBS, đơn vị và cá nhân. ACBS đã xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá thành tích công việc nhân viên (BSC) nhằm đảm bảo người lao động xác định được mức kỳ vọng đối với công việc được giao cũng như biết được mức khen thưởng tương xứng nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.

ACBS tuân thủ các quy định của Pháp luật về bảo hiểm đối với người lao động. Tất cả nhân viên chính thức của ACBS đều được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Bên cạnh đó, nhân viên ACBS còn được tham gia nhiều chế độ đãi ngộ như tiền ăn giữa ca, chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện, chương trình hỗ trợ bảo hiểm sức khỏe cho người thân, bảo hiểm tai nạn con người 24/24, chương trình cho vay lãi suất ưu đãi, sinh nhật, hiếu hỉ, v.v.

ACBS còn nâng cao tinh thần làm việc và vui chơi giải trí cho nhân viên thông qua các chương trình gắn kết đội nhóm (team building), sinh nhật Công ty, giải bóng đá, chạy bộ, tiệc 8-3, tiệc tất niên vinh danh nhân viên xuất sắc, v.v.



### Chính sách và hoạt động phát triển người lao động

Chính sách phát triển nhân sự của ACBS chú trọng đến chất lượng, khả năng thích ứng và đổi mới của nguồn nhân lực để đảm bảo nguồn nhân lực có năng lực hoàn thành tốt công việc được giao.

Thúc đẩy cấp quản lý hoàn thành kế hoạch kinh doanh, cải thiện năng lực huấn luyện và phát triển đội ngũ tại đơn vị, và sẵn sàng tham gia học tập kiến thức mới.

Năm 2023, ACBS đã xây dựng định hướng phát triển mới thông qua việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hệ thống chức danh theo sơ đồ tổ chức mới. Xây dựng văn phòng làm việc mô hình mở, bố trí nhiều cây xanh với trang thiết bị hiện đại tạo không gian làm việc thuận lợi giúp mang đến sự thoải mái và tăng nguồn cảm hứng làm việc, tăng thêm niềm tự hào cho nhân viên hơn khi được làm việc trong môi trường Xanh Sạch Sang.



### Chính sách và hoạt động đào tạo người lao động

Đối với ACBS, đội ngũ nhân sự là tài sản quý giá vì vậy các chính sách và hoạt động đào tạo luôn được chú trọng để đảm bảo những thành viên đều được học tập, trau dồi thêm nhiều kiến thức mới để giúp nhân viên hoàn thiện năng lực cho công việc hiện tại và phát triển sự nghiệp trong tương lai.

Chương trình học tập được đa dạng hóa về hình thức truyền tải và nội dung được thể hiện thông qua các chương trình workshop, e-learning. ACBS khuyến khích tinh thần học tập chủ động và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cá nhân, tập thể nhằm lan tỏa sự tiến bộ trong tổ chức, đến cộng đồng, và khách hàng của ACBS.



### Chính sách và hoạt động tuyển dụng người lao động

Chính sách tuyển dụng của ACBS tập trung vào việc thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho người tài phát triển, phát huy năng lực làm chủ sự nghiệp của từng cá nhân. Mối quan hệ giữa ACBS với ứng viên được xây dựng trên nguyên tắc hợp tác vì mục tiêu chung của tổ chức và sự phát triển sự nghiệp của ứng viên.

ACBS là cầu nối tích cực cho các hoạt động giáo dục của các trường Đại học, giúp các sinh viên có cơ hội học tập và trải nghiệm môi trường làm việc thực tế tại ACBS. Nhờ đó, đội ngũ nhân viên của ACBS ngày càng có nhiều các bạn trẻ đam mê tài chính, chứng khoán đến thực tập và công tác lâu dài với Công ty.

ACBS luôn tạo cơ hội tuyển dụng công bằng cho mọi đối tượng từ những sinh viên mới ra trường đến các ứng viên có nhiều năm kinh nghiệm làm việc.



### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động

ACBS tiếp tục duy trì hoạt động tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể nhân viên, lãnh đạo. Bên cạnh đó nhân viên ACBS được tham gia chế độ bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.

## 3.3 | TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### a. Các khoản đầu tư lớn

Năm 2023 là một năm nhiều biến động với thị trường chứng khoán Việt Nam với sự bất ổn định của địa chính trị trên thế giới. Chốt phiên 29/12, chỉ số VnIndex đóng cửa ở mức 1.129,93 điểm, tăng hơn 12% so với đầu năm. Tổng vốn hóa thị trường đến hết năm 2023 đạt hơn 240 tỷ USD, tương đương 56,4% GDP. Tuy nhiên, vượt trên nghịch cảnh và sự cập nhật kịp thời của Hội đồng Đầu tư, **kết quả lợi nhuận đầu tư (ROI) của Phòng Đầu tư Tự doanh ACBS vẫn đạt 43%, cao hơn nhiều so với kết quả các quỹ trên thị trường dù luôn trong tâm thế hạn chế rủi ro đầu tư ở mức tối đa cho ACBS.**

Song hành với sự thay đổi hành vi và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường cơ sở, Nhà đầu tư chứng quyền cũng trở nên phòng thủ hơn và chấp nhận mức định giá thấp hơn rất nhiều so với giai đoạn 2020-2022. Thanh khoản trung bình cả năm 2023 sụt giảm khoảng 50% so với giai đoạn trước đó. Tuy nhiên, với sự thích ứng và kinh nghiệm hoạt động từ năm 2020, ACBS đã cải tiến sản phẩm và thu hút được chú ý nhiều hơn của khách hàng trên thị trường, **giúp ACBS gia tăng thị phần trên thị trường chứng quyền gần gấp đôi lên trên 20% và duy trì ổn định trong Nhóm 3 Nhà tạo lập thị trường hàng đầu thị trường Việt Nam.** Sản phẩm chứng quyền của ACBS dần dần có tính cạnh tranh cao và trở thành kênh đầu tư phòng vệ và thay thế hợp lý cho Nhà đầu tư yêu thích các cổ phiếu vốn hóa lớn. Xu hướng này sẽ tiếp tục phát triển và mở rộng trong năm 2024.

Trong chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 vừa được Thủ tướng phê duyệt, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu sẽ đạt 100% GDP năm 2025 và 120% GDP vào năm 2030. Con số này gần gấp đôi so với quy mô vốn hóa hiện tại. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP (trong đó dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% GDP) vào năm 2025 và đạt tối thiểu 58% GDP vào năm 2030. Đi theo dòng chảy ấy, các khoản đầu tư tiếp theo trong năm 2024 của ACBS bắt buộc phải mở rộng mạnh về cả lượng và chất để có thể đem lại không những lợi nhuận cho Công ty, cổ đông mà còn cho khách hàng tin tưởng sử dụng dịch vụ liên quan đầu tư của ACBS.





### b. Các Công ty con, Công ty liên kết

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Năm 2023 thị trường chứng khoán có diễn biến tương đối tích cực nhưng vẫn còn nhiều biến động. Tuy nhiên, ACBC vẫn linh hoạt cùng diễn biến thị trường để khai thác hiệu quả sinh lời và bám sát chiến lược đầu tư, đảm bảo quản trị rủi ro, tập trung vào các giá trị tăng thêm cho khách hàng. Hoạt động kinh doanh của ACBC tập trung vào việc khai thác tối ưu hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững trong dài hạn.

Kết thúc năm 2023, hoạt động của ACBC đạt kết quả như sau



Vốn điều lệ **50 tỷ đồng**



Lợi nhuận trước thuế **2,78 tỷ đồng**



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng **513%**

Trong năm 2024, ACBC tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài sản cho khách hàng hiện hữu, đồng thời quản lý có hiệu quả Quỹ thành viên ACB50 nhằm đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng. ACBC tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và quản lý các quỹ đầu tư mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.

## 3.4 | TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Đvt: tỷ đồng)	Năm 2023 (Đvt: tỷ đồng)	Thay đổi
Tổng giá trị tài sản	5,650	11,773	108%
Doanh thu thuần	1,393	1,675	20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	215	628	192%
Lợi nhuận khác	3	3	0%
Lợi nhuận trước thuế	98	492	403%
Lợi nhuận sau thuế	78	396	408%

### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

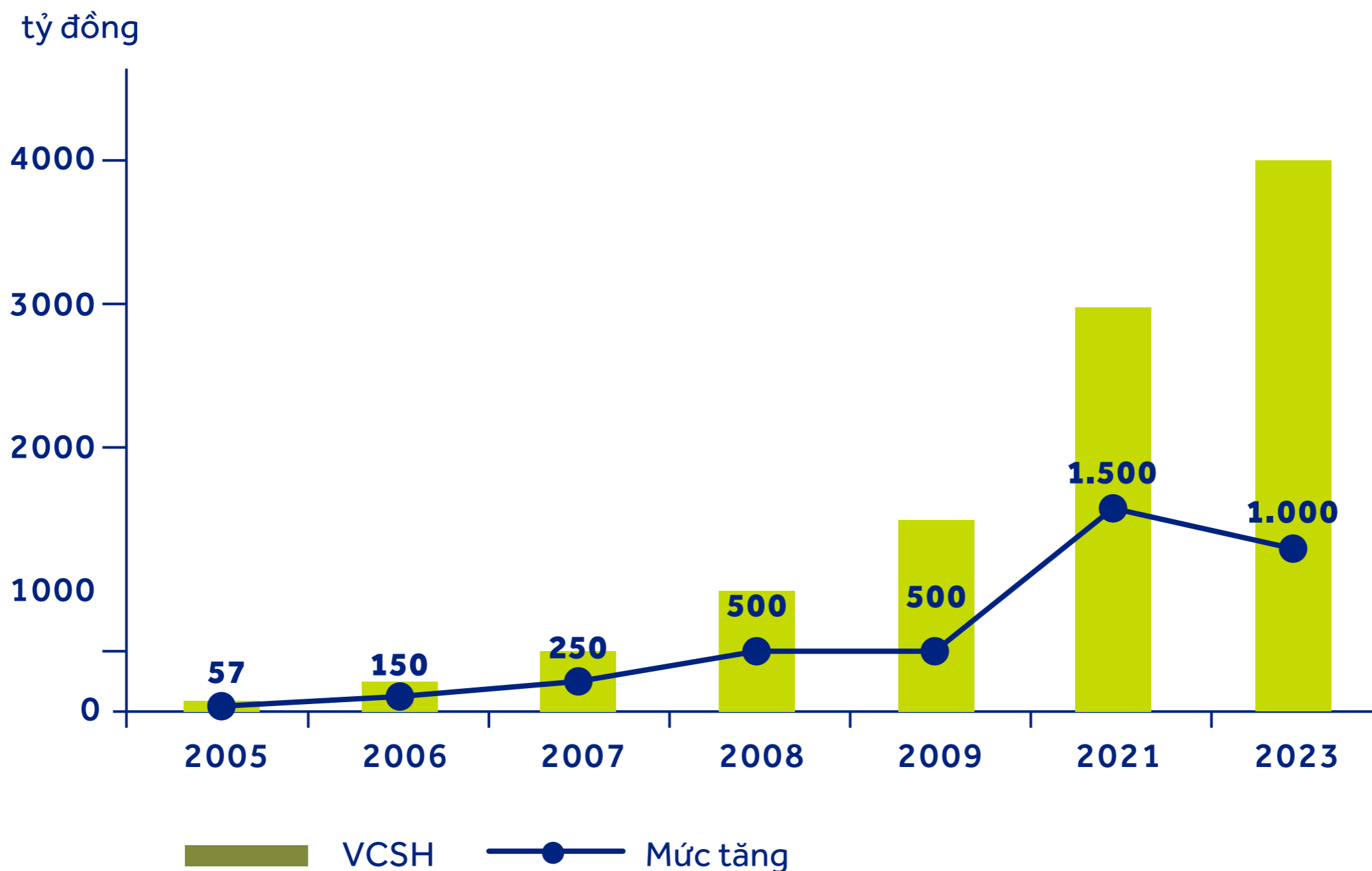
Chỉ tiêu	Năm 2022 (Đvt: tỷ đồng)	Năm 2023 (Đvt: tỷ đồng)
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
• Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,7	1,9
• Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn/Nợ ngắn hạn	-	-
<b>2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
• Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,3	0,5
• Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,4	1,1
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
• Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	-	-
• Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,2	0,2
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,1	0,2
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,02	0,07
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,01	0,03
• Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,2	0,4

\*Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = Doanh thu hoạt động (Mã số 20) - Chi phí hoạt động (Mã số 40) trên báo cáo tài chính hợp nhất



### 3.5 | THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty TNHH Chứng khoán ACB được thành lập vào ngày 29/06/2000, với vốn đầu tư ban đầu của chủ sở hữu Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) là 43 tỷ đồng. Trải qua 23 năm hình thành và phát triển, ACB đã nhiều lần bổ sung vốn cho ACBS. Tại ngày 31/12/2023, ACBS có vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt 4.000 tỷ đồng.



## 3.6 | **BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

### ● **Tác động lên môi trường và tiêu thụ năng lượng**

Hàng năm, ACBS đều xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tiêu thụ và sử dụng năng lượng nhằm giám sát chặt chẽ chi phí sử dụng năng lượng để tránh lãng phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Năm 2023, ACBS không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm luật về bảo vệ môi trường.

### ● **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Năm 2023, ACBS dành ngân sách ủng hộ và truyền thông, khuyến khích người lao động tham gia các hoạt động xã hội vì cộng đồng như tặng thẻ Bảo hiểm y tế cho người có hoàn cảnh khó khăn, chương trình hiến máu nhân đạo.





**Báo cáo & Đánh giá**  
**của Ban Tổng giám đốc**

### 4.1 | ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

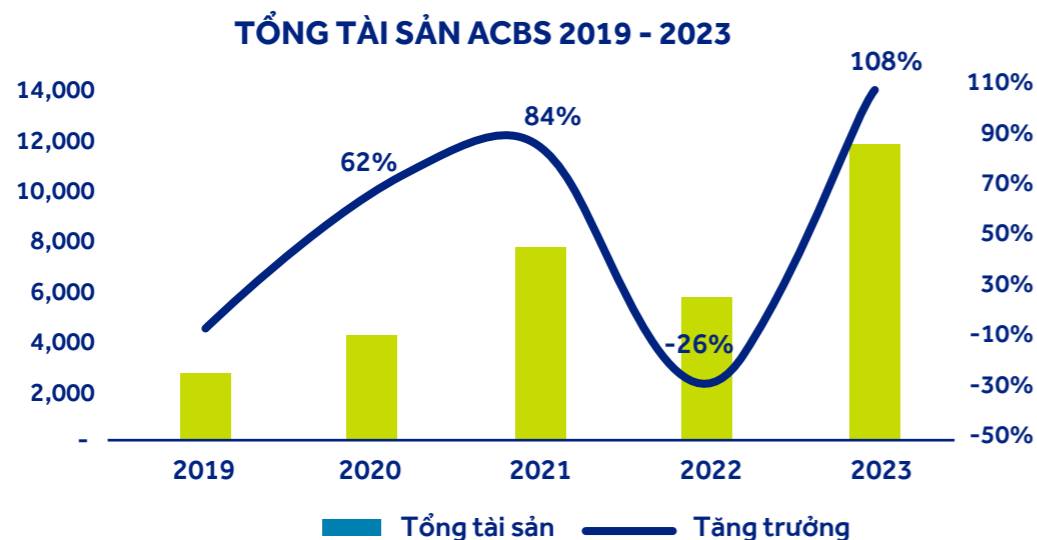
Năm 2023 là một năm đầy thách thức với không chỉ các doanh nghiệp chứng khoán mà còn cho cả nền kinh tế Việt Nam và thế giới nói chung. Tuy nhiên chúng tôi đã biến khó khăn thành cơ hội và tự hào khi đạt được được những kết quả khả quan như sau

- Quy mô tổng tài sản tăng cao, gần gấp đôi so với cùng kỳ, đạt xấp xỉ 12.000 tỷ, mức cao nhất kể từ khi đi vào hoạt động tới nay.
- Dư nợ cho vay tăng vượt trội, tăng 123% so cùng kỳ, đạt kỷ lục gần 4.600 tỷ.
- Nguồn cung vốn đa dạng dồi dào, với tổng dư nợ vay vốn đạt trên gần 6.000 tỷ. Hạn mức tín dụng được cấp bởi các tổ chức tín dụng đạt trên 10.000 tỷ, đáp ứng đầy đủ, linh hoạt nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.
- Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 5 lần lợi nhuận trước thuế cùng kỳ 2022, vượt kế hoạch đề ra.
- Thị phần môi giới đạt bình quân 2,33% cả năm, tăng 0,12% so với bình quân cả năm 2022.
- Về năng lực quản lý, ACBS đã hoàn thành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, từ đó có thể vận hành hiệu quả trong năm 2023. Kế hoạch kinh doanh, chính sách, quy trình và thủ tục hoạt động được xây dựng phù hợp và triển khai hợp lý. Hoạt động của ACBS tuân thủ các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ.
- Khung quản trị và quản lý của Công ty từng bước được xây dựng, nâng cấp. ACBS đảm bảo các rủi ro được quản lý chặt chẽ và hài hòa để thúc đẩy kinh doanh.



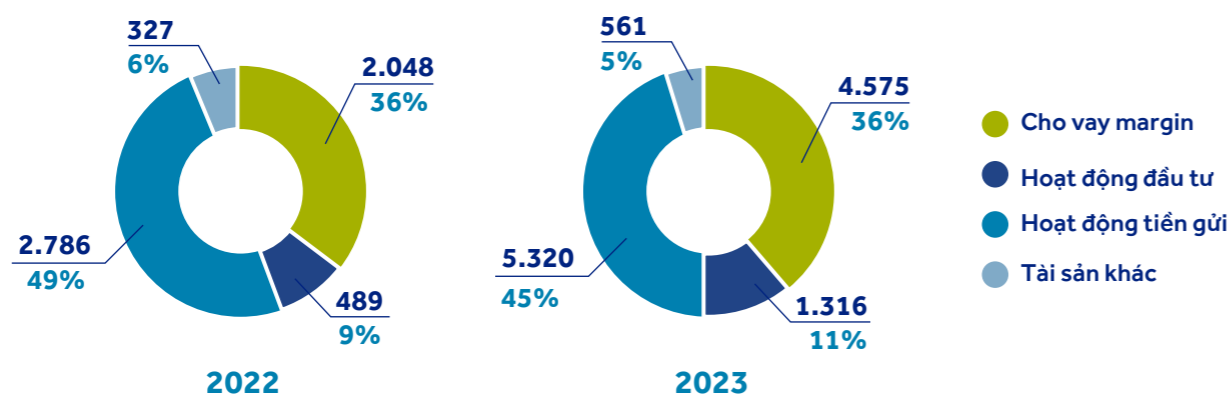
## 4.2 | TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### a. Tổng kết tài sản



Tài sản tăng trưởng cao kỷ lục 108%, đạt xấp xỉ 12.000 tỷ đồng, vượt kế hoạch đã đề ra. Trong đó, cơ cấu tài sản tiếp tục được quản lý chặt chẽ, gia tăng tài sản sinh lời, đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Cuối năm 2023, tài sản sinh lời (mang lại thu nhập lãi) của Công ty đạt xấp xỉ 10.000 tỷ, tương đương 84% tổng tài sản, còn lại tài sản chủ yếu là danh mục đầu tư tự doanh và phái sinh.



Tiền gửi ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng đạt 5.300 tỷ, chiếm 45% tổng tài sản. Tiền gửi được Hội đồng quản lý giám sát chặt chẽ, đảm bảo đủ linh hoạt, cởi mở để khuyến khích hoạt động kinh doanh vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản.

Danh mục đầu tư đạt 1.300 tỷ, chiếm 11,2% tổng tài sản. Hoạt động đầu tư được Hội đồng Đầu tư chỉ đạo và giám sát chặt chẽ, chỉ được đầu tư khi hội tụ đủ các tiêu chí theo khẩu vị rủi ro từng thời kỳ và đảm bảo mức lời kỳ vọng tương ứng với rủi ro hấp thụ.

### An toàn vốn

An toàn vốn (tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty được duy trì trên mức 500% tại mọi thời điểm trong năm. Tỷ lệ này năm 2023 là 648%, vượt xa mức quy định là 180%. Công ty quản lý an toàn vốn theo Thông tư 91/2022/TT-BTC và thông tư 41/2019/TT-NHNN đảm bảo an toàn vốn của Công ty được quản lý, giám sát chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu của Bộ tài chính và yêu cầu của ngân hàng mẹ.

### Thanh khoản

Thanh khoản của Công ty được duy trì ở mức cao xuyên suốt cả năm, đáp ứng đầy đủ, kịp thời tất cả các nhu cầu kinh doanh của khách hàng và của chính Công ty, đồng thời vẫn duy trì được khả năng sinh lời, chi phí vốn hợp lý.

### Cho vay margin & nợ xấu

Danh mục cho vay margin đạt gần 4.600 tỷ, chiếm 38,9% tổng tài sản. Hoạt động này được Hội đồng cho vay margin giám sát chặt chẽ và được Ban Tổng giám đốc quản lý, chỉ đạo sát sao, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng cao cùng với quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ, đảm bảo không phát sinh nợ xấu.

### Vay vốn

Số dư vay vốn của Công ty đến cuối năm 2023 đạt gần 6.000 tỷ, tăng 4 lần so cùng kỳ, chiếm 50% tổng nguồn vốn của Công ty, cao nhất từ trước tới nay. Hạn mức tín dụng được cấp bởi các tổ chức tín dụng đạt trên 10.000 tỷ, đáp ứng đầy đủ, linh hoạt nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

	2020	2021	2022	2023
<b>Số dư (tỷ đồng)</b>	1.570	2.741	1.343	5.923
<b>Vay vốn/TTS</b>	37,9%	36%	23,8%	50,3%

### Quy mô vốn chủ sở hữu

Trong tháng 11/2023 Công ty tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ từ nguồn vốn góp của ngân hàng mẹ, cùng kết quả kinh doanh khả quan, quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty đạt xấp xỉ 5.600 tỷ, chiếm 47% tổng nguồn vốn của Công ty. Vốn chủ sở hữu dồi dào giúp Công ty có thể mở rộng các giới hạn về đầu tư, hạn mức cho vay margin với từng cổ phiếu, khách hàng và duy trì được tỷ lệ an toàn vốn cao.

	2020	2021	2022	2023
<b>VCSH (tỷ đồng)</b>	2.054	4.094	4.172	5.569
<b>Tăng trưởng</b>	9%	99,4%	1,9%	33,5%

## b. Thu nhập phí

### Thu nhập từ hoạt động cho vay margin và môi giới

Thu nhập từ hoạt động cho vay margin cả năm đạt 110 tỷ đồng, giảm 6% so với 2022, chiếm 17% tổng doanh thu. Bên cạnh đó thu nhập phí môi giới cả năm đạt 168 tỷ đồng, giảm 14% so 2022, chiếm 26% tổng doanh thu. Nguyên nhân chủ yếu của đợt giảm này là do năm 2022 thị trường tăng trưởng bùng nổ xuyên suốt cả giai đoạn 10 đầu năm, nhưng suy sụp vào 2 tháng cuối năm, kéo theo năm 2023 khởi đầu với một nền tảng thấp.

Tuy nhiên 2 nguồn thu này có sự cải thiện đáng kể từ nửa cuối năm 2023 khi thị trường dần hồi phục, Công ty triển khai nhiều chương trình thúc đẩy tăng trưởng và chi phí vốn được kiểm soát hiệu quả.

	2020	2021	2022	2023
<b>CV margin (tỷ đồng)</b>	140	90	117	108
<b>Tăng trưởng</b>	20%	-36%	31%	-8%

### Bảng Thu nhập cho vay margin

	2020	2021	2022	2023
<b>Môi giới (tỷ đồng)</b>	119	290	197	167
<b>Tăng trưởng</b>	73%	143%	-32%	-15%

### Bảng Thu nhập môi giới

### Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư cả năm 2023 đạt 66 tỷ, tăng 231 tỷ so với 2022, chiếm 10% tổng doanh thu.

	2020	2021	2022	2023
<b>Đầu tư (tỷ đồng)</b>	22	81	167	131
<b>Tăng trưởng</b>	-47,6%	272,3%	-306,8%	-178,5%

### Thu nhập kinh doanh vốn

Thu nhập từ kinh doanh vốn là điểm sáng của Công ty trong năm 2023, với doanh thu cả năm đạt 291 tỷ đồng, tăng 46% so với 2022, chiếm 46% tổng doanh thu. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2023 Công ty đã tận dụng được thời cơ thị trường khi lãi suất biến động, với nền tảng vốn chủ sở hữu dồi dào và kênh sử dụng vốn đa dạng.

	2020	2021	2022	2023
<b>Kinh doanh vốn (tỷ đồng)</b>	33	48	34	57
<b>Tăng trưởng</b>	32,9%	45,8%	-29,5%	67,3%

### Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động cả năm đạt gần 245 tỷ, được kiểm soát chặt chẽ, tăng 6% so với 2022, chủ yếu tăng ở các khoản mục liên quan đến nhận diện thương hiệu. Các chi phí lễ tân, khánh tiết, giao tế, công tác phí đều tăng chậm hoặc giảm so với cùng kỳ. Trong cơ cấu chi phí, chi phí nhân sự chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 65% tổng chi phí.

	2020	2021	2022	2023
<b>CPHD (tỷ đồng)</b>	(134)	(179)	(228)	(259)
<b>Tăng trưởng</b>	10,3%	33,4%	27,6%	13,7%



## 4.3 | NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2023, ACBS đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, đồng thời thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm nhiều nhân sự nòng cốt, nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa nguồn lực, gia tăng giá trị, đảm bảo được sự ổn định và tăng trưởng trong dài hạn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng rà soát để nâng cấp và ban hành mới hàng loạt quy chế và quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp giữa các bộ phận nhằm tối ưu hoá hiệu quả kinh doanh và ứng dụng công nghệ vào quy trình quản lý đội ngũ nhân sự. Đồng thời tiếp tục đầu tư vào công nghệ, số hóa và các sản phẩm mới nhằm cung cấp cho khách hàng trải nghiệm tốt nhất.

Ngoài ra, Công ty đã thành lập những ban dự án chuyên trách tập hợp nhân sự từ nhiều phòng ban để thực hiện các dự án trọng điểm. Công ty tiếp tục phát triển ứng dụng, áp dụng các công nghệ mới, thực hiện chuyển đổi hạ tầng, tự động hóa các quy trình vận hành, giám sát. Đồng thời tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức về các rủi ro gây mất an toàn thông tin và duy trì tính ổn định của hệ thống, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng.

## 4.4 | KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong năm 2024, ACBS đã lên kế hoạch phát triển hệ thống nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng tính cạnh tranh trên TTCK bao gồm:

- Triển khai các dự án lớn và phát triển sản phẩm trong thời gian tới. Cụ thể là dự án Core, dự án CRM & Google data, dự án eKYC, dự án KRX, xây dựng hệ thống Data Warehouse, tích hợp các tính năng bán chéo cùng ACB, cải tiến app và webtrade, phát triển Chatbot, triển khai các giải pháp an toàn bảo mật, Margin Plus, Copy trade, sản phẩm T+, T+14 online.
- Thực hiện các chương trình trọng tâm cho Khối kinh doanh. Cụ thể là đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng cường chất lượng tư vấn, phát triển sản phẩm đầu tư, linh hoạt trong bán hàng, tăng cường quản trị, nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động.
- Thông qua các nền tảng trực tuyến và các kênh giao tiếp để tiếp cận khách hàng.
- Tiếp tục lên kế hoạch thực hiện chuỗi đào tạo khách hàng định kỳ 2 tuần, chuỗi các video hàng tháng, xây dựng website nhánh của Kênh trực tuyến, xây dựng chương trình Loyalty cho khách hàng, xây dựng chính sách hoa hồng và lộ trình phát triển cho nhân viên.
- Chính sách thúc đẩy sự phát triển của môi giới để tăng tính cạnh tranh, đồng thời đưa ra các chính sách chăm sóc, xếp loại và ưu đãi khách hàng theo từng phân khúc.
- Cải tiến quy trình nhằm tiếp cận và hỗ trợ khách hàng tốt hơn.
- Đầu tư công nghệ để hỗ trợ kinh doanh số.

## 4.5 | GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có ý kiến.



## 4.6 | BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong quá trình vận hành, ACBS xác định sử dụng nguồn năng lượng hợp lý sẽ giúp giảm thiểu tác động môi trường, đồng thời tránh lãng phí chi phí vận hành Công ty. Một số biện pháp được áp dụng tại ACBS bao gồm theo dõi và có chế độ bảo trì máy móc thiết bị và hệ thống điều hòa, có kế hoạch vệ sinh định kỳ thiết bị, giám sát chỉ số sử dụng điện nước một cách hợp lý theo nhu cầu sử dụng, triển khai lưu trữ giao dịch chứng từ điện tử thay chứng từ giấy.

Các hoạt động của ACBS phần lớn đều chú trọng cho các việc liên quan đến môi trường sống, như ấn phẩm, quà tặng của Công ty đều sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường. ACBS cũng tích cực thay đổi nhận diện thương hiệu của các văn phòng theo chủ đề "GREEN MOUNTAIN" nhằm định hướng phát triển bền vững của Công ty là ý thức và hành động bảo vệ môi trường.

### b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

ACBS tuân thủ các quy định, luật định liên quan đến người lao động. Với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. ACBS không ngừng xây dựng môi trường làm việc hiện đại, khuyến khích sự chia sẻ kinh nghiệm, các ý tưởng mới và tinh thần học hỏi lẫn nhau nhằm tạo động lực tốt cho người lao động nỗ lực làm việc, phát triển bản thân và gắn bó lâu dài với Công ty.

### c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

ACBS cam kết thực thi trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với môi trường và cộng đồng/địa phương cần hỗ trợ với các mục tiêu chính là giảm thiểu lượng rác thải nhựa, giấy in, v.v.

Tinh thần bảo vệ môi trường của người ACBS luôn được nuôi dưỡng để trở thành một nét văn hóa. Các ấn phẩm, quà tặng gửi đến đối tác, khách hàng đều sử dụng các nguyên vật liệu có thể tái chế được nhằm lan tỏa hành động chung tay bảo vệ màu xanh của Trái Đất.

Tổ chức hoạt động hiến máu nhân đạo, một hành động thể hiện sự chia sẻ của những nhân viên ACBS giúp đỡ những người bệnh đang cần máu để điều trị cũng như duy trì sự sống.







của **Đánh giá**  
**Hội đồng Thành viên**  
về hoạt động của Công ty

## 5.1 | ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2023

ACBS trong năm 2023 tiếp tục tăng trưởng tốt về quy mô tài sản và lợi nhuận. Công ty đảm bảo tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

**Thứ nhất**, mọi hoạt động trong năm 2023 đều tăng mạnh so với năm 2022 dù thị trường chứng khoán không được như kỳ vọng.

- ✔ Tổng tài sản đạt xấp xỉ 12.000 tỷ đồng, tăng 108% và vượt kế hoạch nội bộ đề ra.
- ✔ Cho vay margin đạt gần 4.600 tỷ, tăng 123%, hoàn thành 100% kế hoạch.
- ✔ Vay vốn đạt xấp xỉ 6.000 tỷ, tăng 4 lần so với đầu năm.

**Thứ hai**, kết quả lợi nhuận cao và hoàn thành xuất sắc kế hoạch.

- ✔ Lợi nhuận trước thuế của ACBS đạt 492 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần so với năm 2022, và hoàn thành 120% kế hoạch.
- ✔ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 5,6%, cao hơn nhiều so với năm 2022.
- ✔ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 10.1%, cao hơn năm 2022.

**Thứ ba** là sự an toàn và cẩn trọng.

- ✔ Trong năm 2023 ACBS không hề có phát sinh nợ xấu.
- ✔ Các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động doanh nghiệp luôn được ACBS giám sát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy định của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính.
- ✔ Tỷ lệ vốn khả dụng hợp nhất được duy trì trên mức 500% tại mọi thời điểm trong năm. Tỷ lệ này năm 2023 là 648,6% cao hơn mức 500% của năm 2022, vượt xa mức quy định là 180%.

**Cuối cùng** là chú trọng đến trách nhiệm xã hội đối với người lao động, môi trường và cộng đồng/ địa phương (xem chi tiết mục 3.6 & 4.6).



## 5.2 | ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng Thành viên đã tập trung chỉ đạo và kiểm soát Ban Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch năm 2023 để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, an toàn và hiệu quả cho việc triển khai thực hiện chiến lược đến năm 2028.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ thành công về các mặt sau

- ✔ Đã thực thi kế hoạch kinh doanh năm 2023 thành công, đạt các chỉ tiêu tăng trưởng về quy mô tài sản, hiệu quả hoạt động, an toàn theo đúng định hướng chiến lược hoạt động 2023 – 2028.
- ✔ Cân đối được nguồn vốn và các nguồn lực khác cho các cơ hội kinh doanh và sử dụng vốn linh hoạt, có hiệu quả.
- ✔ Đảm bảo các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ được tuân thủ chặt chẽ.
- ✔ Đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu kinh doanh.
- ✔ Xây dựng, củng cố văn hóa kinh doanh năng động và lành mạnh, tạo động lực cho nhân viên đồng hành và gắn kết.

Hội đồng Thành viên ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc.

## 5.3 | CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Năm 2024, Hội đồng Thành viên ACBS triển khai các kế hoạch và định hướng như sau

- ▶ Chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ban Tổng giám đốc nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được Ngân hàng mẹ thông qua.
- ▶ Chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện các dự án chiến lược phát triển giai đoạn 2023 – 2028.  
Tiếp tục nâng cấp hệ thống quản trị Công ty theo hướng áp dụng thông lệ quốc tế.
- ▶ Tiếp tục xây dựng môi trường (hệ sinh thái) phát triển văn hóa sáng tạo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp chiến lược phát triển mới.
- ▶ Tiếp tục xây dựng ACBS phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ giá trị tốt nhất cho ngân hàng mẹ và các bên hữu quan.





## **Quản trị Công ty**



## 6.1 | HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên nhiệm kỳ 2023-2028 có 04 thành viên theo Nghị quyết số 1661/TCQĐ-HĐQT.23 vào ngày 05 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

● Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên gồm

STT	Thành viên	Chức danh
1	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
4	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

● Trước ngày 07 tháng 08 năm 2023, Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023 gồm

STT	Thành viên	Chức danh
1	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thành Long	Thành viên
4	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

Từ ngày 07 tháng 08 năm 2023, ông Nguyễn Thành Long miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Thành viên

### b. Hoạt động của Hội đồng Thành viên

Trong năm 2023, Hội đồng Thành viên đã tổ chức tổng cộng 25 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh. Hội đồng Thành viên đã ban hành tổng cộng 40 nghị quyết, 45 quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động, tổ chức bộ máy và nhân sự.

Hội đồng Thành viên triển khai các công việc thuộc thẩm quyền thông qua các Hội đồng chuyên môn gồm Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng, Hội đồng ALCO. Nhân sự của mỗi Hội đồng chuyên môn đảm bảo có ít nhất 02 thành viên Hội đồng Thành viên tham gia nhằm tăng cường năng lực quản trị, kịp thời đưa ra các đề xuất, chỉ đạo theo từng lĩnh vực, tăng cường khả năng giám sát, đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả trong quá trình hoạt động của ACBS.

Các báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ sáu tháng và cả năm được thực hiện và báo cáo đầy đủ cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

### c. Danh sách các thành viên Hội đồng Thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không áp dụng do ACBS hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn.



## 6.2 | BAN KIỂM SOÁT

### a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát ACBS nhiệm kỳ 2023-2028 có 01 Kiểm soát viên là ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa**. Ông tham gia vai trò Kiểm soát viên tại ACBS từ năm 2012.

Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** tốt nghiệp Cử nhân Kế toán của Trường Cao cấp Ngân hàng TP.HCM và có hơn 23 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Nghĩa hiện đang đảm trách vị trí Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Á Châu.

### b. Hoạt động của ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động Công ty theo Điều lệ của ACBS, tham dự các buổi họp định kỳ của Hội đồng Thành viên.

ACBS duy trì Bộ phận Kiểm toán nội bộ nhằm thực hiện việc kiểm tra, xem xét, đánh giá tính phù hợp, tuân thủ trong quá trình hoạt động của ACBS, kịp thời phát hiện các lỗi phát sinh (nếu có) để kịp thời ngăn chặn và nhanh chóng đưa ra giải pháp khắc phục, đảm bảo hoạt động cho ACBS an toàn, hiệu quả, đúng quy định.

## 6.3 | CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc Ban Kiểm soát viên là

**15,164,974,184 đồng**

(Mười lăm tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm tám mươi bốn đồng)

### b. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

ACBS đã tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty chứng khoán đối với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (tổ chức làm chủ sở hữu). Cụ thể như sau

- ACBS đã tuân thủ cơ cấu tổ chức theo quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- ACBS đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ ACBS, Thông tư quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán và các quy định khác của Pháp luật có liên quan về quản trị Công ty.
- ACBS đã phân định rõ trách nhiệm giữa Chủ sở hữu, Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Pháp luật có liên quan.
- ACBS đã thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
- ACBS đã bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của Pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- ACBS đã công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của ACBS

ACBS luôn đảm bảo khuôn khổ quản trị Công ty với tính minh bạch và hiệu quả, phù hợp với quy định của Pháp luật.



## **Báo cáo tài chính**





**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	0302030508	ngày 29 tháng 6 năm 2000
<b>Đăng ký Kinh doanh số</b>	0302030508	ngày 17 tháng 11 năm 2022
	0302030508	ngày 6 tháng 12 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Giấy phép Thành lập và Hoạt động số</b>	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	150/UBCK-GP	ngày 4 tháng 9 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
	13/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 6 năm 2014
	18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014
	26/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2017
	45/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 6 năm 2021
	63/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 8 năm 2022
	101/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 10 năm 2022
	91/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 11 năm 2023
	96/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 11 năm 2023
	05/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 1 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

<b>Hội đồng Thành viên</b>	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
	Ông Huỳnh Duy Sang	Thành viên
	Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
		(từ ngày 7 tháng 8 năm 2023)
	Ông Nguyễn Thành Long	Thành viên
		(đến ngày 7 tháng 8 năm 2023)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Hoàng Tân	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 12 tháng 12 năm 2023)
	Ông Hoàng Công Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 1 tháng 10 năm 2023)
	Ông Huỳnh Duy Sang	Giám đốc Tài chính
		(đến ngày 11 tháng 1 năm 2023)

<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch Hội đồng thành viên
--------------------------------------	------------------	------------------------------

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**

Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury,  
Số 117 Nguyễn Đình Chiểu  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Chợ lớn**

321 - 323 Trần Phú  
Phường 8, Quận 5  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Trương Định**

107N Trương Định  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Phòng giao dịch  
Nguyễn Thị Minh Khai**

442 Nguyễn Thị Minh Khai  
Phường 5, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Đông Sài Gòn**

Tầng 3, tòa nhà số 53-55 Nguyễn Hữu Cánh  
Phường 22, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Cách Mạng Tháng 8**

197A-197B-197C-197/1 Cách Mạng Tháng Tám  
Phường 4, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi**

Lầu 2, Lầu 3 số 41 Mạc Đĩnh Chi  
Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội**

10 Phan Chu Trinh  
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Chi nhánh Hải Phòng**

15 Hoàng Diệu  
Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Chi nhánh Đà Nẵng**

218 Bạch Đằng  
Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Chi nhánh Khánh Hòa**

80 Quang Trung  
Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang  
Tỉnh Khánh Hòa  
Việt Nam

**Chi nhánh Vũng Tàu**

111 Hoàng Hoa Thám  
Phường 2, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
Việt Nam

**Chi nhánh Cần Thơ**

17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Phường Tân An, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “ACBS”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của ACBS tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của ACBS cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 2 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Chủ sở hữu**  
**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “ACBS”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của ACBS cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 2 năm 2024, được trình bày từ trang 7 đến trang 64.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00320-24-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0339-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 2 năm 2024

### Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B01 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>		<b>11.544.970.683.500</b>	<b>5.458.789.423.911</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính ("TSTC")</b>		<b>11.528.773.346.043</b>	<b>5.426.933.077.458</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		506.950.270.662	576.035.296.481
1.1	Tiền		306.450.270.662	151.035.296.481
1.2	Các khoản tương đương tiền		200.500.000.000	425.000.000.000
2	Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		7(a) 1.316.359.984.196	488.694.834.569
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7(b) 5.119.390.662.949	2.361.393.479.452
4	Các khoản cho vay		7(c) 4.574.996.218.248	2.047.936.817.727
5	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		8 (117.475.881.732)	(116.201.756.693)
6	Các khoản phải thu		9 105.436.781.187	49.997.396.970
6.1	Phải thu từ bán tài sản tài chính		117.1 20.012.410.000	543.937.000
6.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC		117.2 85.424.371.187	49.453.459.970
6.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		117.3 50.000	50.000
6.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		117.4 85.424.321.187	49.453.409.970
7	Trả trước cho người bán ngắn hạn		10 18.681.697.410	16.253.263.672
8	Phải thu các dịch vụ cung cấp		11 4.743.346.122	3.451.220.747
9	Các khoản phải thu khác		122 989.359.981	671.617.513
10	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		129 (1.299.092.980)	(1.299.092.980)
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>130 16.197.337.457</b>	<b>31.856.346.453</b>
1	Tạm ứng		131 1.207.382.000	295.789.728
2	Chi phí trả trước ngắn hạn		133 12 7.932.807.225	5.520.253.311
3	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		134 44.000.000	44.000.000
4	Thuế GTGT được khấu trừ		135 55.097.016	926.623.643
5	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		136 22 -	18.108.548.213
6	Tài sản ngắn hạn khác		137 13 6.958.051.216	6.961.131.558

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	<b>200</b>		<b>227.606.312.139</b>	<b>190.799.517.826</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>61.920.280.000</b>	<b>61.920.280.000</b>
1 Các khoản đầu tư	212		61.920.280.000	61.920.280.000
1.2 Đầu tư khác	212.4	14	61.920.280.000	61.920.280.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.626.238.153</b>	<b>75.798.879.992</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	15	62.280.034.768	63.614.354.151
Nguyên giá	222		155.516.263.736	140.690.048.053
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(93.236.228.968)	(77.075.693.902)
2 Tài sản cố định vô hình	227	16	16.346.203.385	12.184.525.841
Nguyên giá	228		65.866.730.611	56.769.643.611
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(49.520.527.226)	(44.585.117.770)
<b>III Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>17</b>	<b>6.965.640.000</b>	<b>2.030.640.000</b>
<b>IV Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>80.094.153.986</b>	<b>51.049.717.834</b>
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		6.937.962.100	6.937.962.100
2 Chi phí trả trước dài hạn	252		37.943.958.936	9.099.092.677
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		187.460.118	-
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	18(a)	20.000.000.000	20.000.000.000
5 Tài sản dài hạn khác	255	18(b)	15.024.772.832	15.012.663.057
5.1 Tiền nộp Quỹ Bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	255.1		15.024.772.832	15.012.663.057
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>11.772.576.995.639</b>	<b>5.649.588.941.737</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>6.203.877.438.180</b>	<b>1.477.325.885.489</b>
<b>I Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.203.864.438.180</b>	<b>1.477.312.885.489</b>
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		5.922.517.000.000	1.342.964.000.000
1.1 Vay ngắn hạn	312	19	5.922.517.000.000	1.342.964.000.000
3 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	145.049.343.773	38.909.146.263
4 Phải trả người bán ngắn hạn	320	21	7.909.241.469	4.061.971.429
5 Người mua trả trước ngắn hạn	321		132.000.000	187.000.000
6 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	22	37.539.325.566	16.745.278.519
7 Phải trả người lao động	323		48.518.957.858	29.474.369.763
8 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		158.580.179	165.264.179
9 Chi phí phải trả ngắn hạn	325	23	29.944.371.705	43.626.730.207
10 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		3.575.890.410	-
11 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329		8.519.727.220	1.179.125.129
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>13.000.000</b>	<b>13.000.000</b>
1 Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		13.000.000	13.000.000
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.568.699.557.459</b>	<b>4.172.263.056.248</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5.568.699.557.459</b>	<b>4.172.263.056.248</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	24	4.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		147.729.332.606	147.729.332.606
3 Quỹ dự phòng tài chính	415		168.979.231.821	168.979.231.821
4 Lợi nhuận chưa phân phối	417		1.251.990.993.032	855.554.491.821
4.1 Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.313.874.386.629	1.047.234.722.488
4.2 Lỗ chưa thực hiện	417.2		(61.883.393.597)	(191.680.230.667)
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>11.772.576.995.639</b>	<b>5.649.588.941.737</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY</b>				
2	002	25(a)	4.050.094	4.050.094
8	008	25(b)	662.546.330.000	316.564.246.000
9	009		882.530.000	1.920.000
10	010	25(c)	6.895.630.000	2.330.993.000
12	012		1.750.000	1.750.000
14	014		63.318.200	25.937.400
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1	021		33.089.022.665.600	28.923.832.607.800
	021.1		30.009.002.914.600	26.444.658.167.800
	021.2		106.561.120.000	104.382.900.000
	021.3		1.528.835.440.000	1.471.240.760.000
	021.4		1.107.413.230.000	724.029.060.000
	021.5		337.209.961.000	179.521.720.000
2	022		338.270.630.000	202.539.360.000
	022.1		297.822.990.000	171.305.060.000
	022.2		40.447.640.000	31.234.300.000
3	023		287.672.011.000	176.002.526.000
5	024b		1.089.364.490.000	36.639.045.790.000
7	026		832.198.263.074	596.123.819.659
7.1	027		674.635.343.481	486.213.228.742
7.1.1	027.1		22.020.494.435	34.346.320.080
7.2	028		129.690.456.910	72.813.399.820
7.4	030		5.851.968.248	2.750.871.017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
8	031		696.655.837.916	520.559.548.822
8.1	031.1		696.655.827.653	520.559.539.271
8.2	031.2		10.263	9.551
9	032		3.876.019.299	4.047.299
12	035		1.975.948.949	2.746.823.718

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B02 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>I DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1 Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01		810.283.519.696	443.379.165.999
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.1	26(a)	230.458.744.012	207.062.037.140
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.2	26(b)	499.412.378.950	308.568.822.183
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.3	26(c)	16.600.862.426	23.188.611.184
d. Chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4	26(b)	63.811.534.308	(95.440.304.508)
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	26(c)	190.274.472.699	85.999.190.056
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	26(c)	343.880.610.399	354.037.522.300
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	26(d)	313.091.154.245	498.213.087.255
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	26(d)	12.646.237.505	7.455.318.107
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	26(d)	1.943.181.818	1.975.537.273
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	26(d)	2.594.115.842	1.610.726.000
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>1.674.713.292.204</b>	<b>1.392.670.546.990</b>
<b>II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		566.151.454.536	720.382.580.823
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.1	26(a)	132.638.347.848	346.868.169.335
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.2	26(b)	438.589.083.788	507.834.189.788
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC theo FVTPL	21.3		86.030.500	36.277.200
d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4	26(b)	(5.162.007.600)	(134.356.055.500)
2.4 Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	27	195.849.587.900	180.477.543.160
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		13.621.065.276	12.506.176.770
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	254.562.670.366	249.435.131.781
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		12.200.034.121	10.870.471.852
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		3.467.060.048	3.744.894.161
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		1.244.334.298	480.171.543
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>1.047.096.206.545</b>	<b>1.177.896.970.090</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>III DOANH THU TÀI CHÍNH</b>				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		15.890.665	147.157.965
3.2 Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42		2.688.877.159	2.907.381.538
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>2.704.767.824</b>	<b>3.054.539.503</b>
<b>IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		44.348.453	93.205.459
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>44.348.453</b>	<b>93.205.459</b>
<b>V CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		<b>6.121.858.137</b>	<b>4.723.835.264</b>
<b>VI CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>62</b>	<b>29</b>	<b>132.854.209.097</b>	<b>117.830.414.306</b>
<b>VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b> (70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 61 – 62)	<b>70</b>		<b>491.301.437.796</b>	<b>95.180.661.374</b>
<b>VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1 Thu nhập khác	71		1.072.494.279	3.059.615.943
8.2 Chi phí khác	72		409.012.695	479.015.863
<b>Kết quả hoạt động khác</b> (80 = 71 – 72)	<b>80</b>		<b>663.481.584</b>	<b>2.580.600.080</b>
<b>IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b> (90 = 70 + 80) (MANG SANG TRANG SAU)	<b>90</b>		<b>491.964.919.380</b>	<b>97.761.261.454</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (MANG TỪ TRANG TRƯỚC SANG)</b>	<b>90</b>		<b>491.964.919.380</b>	<b>97.761.261.454</b>
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		362.168.082.310	258.110.878.067
9.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	92		129.796.837.070	(160.349.616.613)
<b>X CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>95.528.418.169</b>	<b>19.829.052.268</b>
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	30	95.715.878.287	19.829.052.268
10.2 Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	100.2		(187.460.118)	-
<b>XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 – 100)</b>	<b>200</b>		<b>396.436.501.211</b>	<b>77.932.209.186</b>
<b>XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:

Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>01</b>	<b>491.964.919.380</b>	<b>97.761.261.454</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>02</b>	<b>11.598.069.589</b>	<b>73.596.692.133</b>
Khấu hao và phân bổ	03	23.157.051.226	14.649.649.056
Các khoản dự phòng	04	1.274.125.039	(4.110.835)
Chi phí lãi vay	06	194.168.198.904	168.412.291.516
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(190.400.443.154)	(86.272.526.420)
Dự thu tiền lãi	08	(16.600.862.426)	(23.188.611.184)
<b>3 Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>	<b>433.427.076.188</b>	<b>373.478.134.288</b>
Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	433.427.076.188	373.478.134.288
<b>4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>	<b>(563.223.913.258)</b>	<b>(213.128.517.675)</b>
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(563.223.913.258)	(213.128.517.675)
<b>5 Tổng thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>	<b>(5.991.700.738.786)</b>	<b>1.810.084.840.190</b>
(Tăng)/giảm các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(766.841.854.465)	27.809.496.770
Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(2.757.997.183.497)	(683.633.998.761)
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33	(2.527.059.400.521)	2.701.442.125.500
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	-	(61.920.280.000)
(Tăng)/giảm phải thu từ bán tài sản tài chính	35	(19.468.473.000)	33.656.624.000
Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36	170.904.423.908	106.036.879.188
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	37	(1.292.125.375)	4.669.513.234
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	(317.742.468)	300.928.219
Tăng các tài sản khác	40	(49.095.078)	(98.733.186)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	3.416.257.437	(6.453.170.722)
Tăng chi phí trả trước	42	(31.257.420.173)	(5.131.550.693)
Thuế TNDN đã nộp	43	(59.111.719.454)	(73.475.005.819)
Tiền lãi vay đã trả	44	(211.266.814.843)	(185.192.873.788)
Tăng/(giảm) phải trả người bán	45	3.847.270.040	(10.984.814.205)
(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(6.684.000)	8.779.000
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	2.298.436.427	(10.421.248.740)
Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48	19.044.588.095	(14.915.431.059)
Tăng/(giảm) phải trả khác	50	183.456.798.181	(11.612.398.748)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>(5.617.934.586.887)</b>	<b>2.141.792.410.390</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(30.863.580.750)	(48.284.029.820)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	62	160.141.818	273.336.364
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>(30.703.438.932)</b>	<b>(48.010.693.456)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	18.682.117.000.000	7.489.405.000.000
Tiền vay gốc khác	73.2	18.682.117.000.000	7.489.405.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(14.102.564.000.000)	(9.387.459.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay khác	74.3	(14.102.564.000.000)	(9.387.459.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>	<b>5.579.553.000.000</b>	<b>(1.898.054.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>(69.085.025.819)</b>	<b>195.727.716.934</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>576.035.296.481</b>	<b>380.307.579.547</b>
▪ Tiền gửi ngân hàng đầu năm	101.1	151.035.296.481	125.307.579.547
▪ Các khoản tương đương tiền đầu năm	101.2	425.000.000.000	255.000.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)</b>	<b>103</b>	<b>506.950.270.662</b>	<b>576.035.296.481</b>
▪ Tiền gửi ngân hàng cuối năm	103.1	306.450.270.662	151.035.296.481
▪ Các khoản tương đương tiền cuối năm	103.2	200.500.000.000	425.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	100.616.078.824.356	109.279.010.026.870
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(100.559.201.767.266)	(109.766.692.278.050)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	110.235.341.932.879	112.008.593.316.963
Chi tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	07.1	(12.325.825.645)	(57.179.660.215)
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(110.046.919.818.140)	(112.288.325.109.129)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	17.282.278.609.287	4.821.553.975.174
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(17.279.177.512.056)	(4.831.388.464.367)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>236.074.443.415</b>	<b>(834.428.192.754)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>596.123.819.659</b>	<b>1.430.552.012.413</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	596.123.819.659	1.430.552.012.413
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	520.559.548.822	857.471.001.203
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	72.813.399.820	560.495.651.000
▪ Tiền gửi của các Tổ chức phát hành	35	2.750.871.017	12.585.360.210
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>832.198.263.074</b>	<b>596.123.819.659</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B03 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	832.198.263.074	596.123.819.659
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	696.655.837.916	520.559.548.822
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	129.690.456.910	72.813.399.820
▪ Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	5.851.968.248	2.750.871.017

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B04 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày				Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2022	1/1/2023	31/12/2022	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000	4.000.000.000.000
Vốn góp	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000	4.000.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	147.729.332.606	147.729.332.606	-	-	-	-	147.729.332.606	147.729.332.606
Quỹ dự phòng tài chính	168.979.231.821	168.979.231.821	-	-	-	-	168.979.231.821	168.979.231.821
Lợi nhuận chưa phân phối	777.622.282.635	855.554.491.821	285.562.755.399	(207.630.546.213)	396.436.501.211	-	855.554.491.821	1.251.990.993.032
Lợi nhuận đã thực hiện (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	761.671.967.089	1.047.234.722.488	285.562.755.399	-	266.639.664.141	-	1.047.234.722.488	1.313.874.386.629
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	15.950.315.546	(191.680.230.667)	-	(207.630.546.213)	129.796.837.070	-	(191.680.230.667)	(61.883.393.597)
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.094.330.847.062</b>	<b>4.172.263.056.248</b>	<b>285.562.755.399</b>	<b>(207.630.546.213)</b>	<b>1.396.436.501.211</b>	<b>-</b>	<b>4.172.263.056.248</b>	<b>5.568.699.557.459</b>

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Cơ sở thành lập**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 1 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**(b) Vốn chủ sở hữu của ACBS**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 4.000.000 triệu VND (31/12/2022: 3.000.000 triệu VND).

**(c) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của ACBS là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cho vay ký quỹ và lưu ký chứng khoán.

**(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của ACBS nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(e) Công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có một (1) công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

**(f) Số lượng nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, ACBS có 375 nhân viên (1/1/2023: 386 nhân viên).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL và tài sản tài chính sẵn sàng để bán được đo lường theo giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả trong Thuyết minh 3(e). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của ACBS là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của ACBS là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được ACBS áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được ACBS áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### (a) Cơ sở hợp nhất

##### *Công ty con*

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, ACBS dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau khi thoả vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu ACBS vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các giao dịch và số dư trong nội bộ ACBS và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của ACBS tại đơn vị nhận đầu tư.

#### (b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi ACBS thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### (c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của ACBS.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### (d) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### (i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi ACBS trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

##### (ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ ("FVTPL"): xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(f); và
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(g) và 3(h).

ACBS phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ ngoại trừ khoản phải trả chứng quyền có đảm bảo được phân loại là nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

##### (iii) Chấm dứt ghi nhận

ACBS chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của ACBS đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi ACBS chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao.

ACBS chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

##### (iv) Cản trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi ACBS có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và ACBS có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(e) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL**

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, ACBS xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm chi phí mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất năm.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với ACBS.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(i) Chứng quyền có bảo đảm**

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, ACBS ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá phát hành và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành sau đó cuối kỳ kế toán năm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại tài khoản "Phải trả chứng quyền". Cuối kỳ kế toán năm, ACBS thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm hoặc tăng, chênh lệch sẽ được ghi nhận tương ứng vào thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL.

Lãi/(lỗ) tại ngày đáo hạn và mua lại chứng quyền được hạch toán vào lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

**(f) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà ACBS có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được ACBS xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được ACBS xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là ACBS khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và ACBS không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi ACBS thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc





**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của ACBS và sự kiện này ACBS không thể dự đoán trước được.

**(g) Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai ngày giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

**(h) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng các tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

▪ Nhà cửa	25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
▪ Phương tiện vận tải	6 năm
▪ Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
▪ TSCĐ hữu hình khác	3 - 6 năm

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính và website**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Website được xem là phần mềm máy tính và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(k) Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, ACBS có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập toàn diện khác, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào thu nhập toàn diện khác.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư 146. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 và do đó Thông tư 114 sẽ được áp dụng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**(q) Doanh thu**

**(i) Lãi từ bán các TSTC**

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi ACBS nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của ACBS được xác lập. ACBS không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

**(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán**

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

**(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

**(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(r) Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chi tiêu “Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của ACBS nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi ACBS và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của ACBS trong năm trước.

**(v) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**4. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà ACBS phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà ACBS có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình ACBS sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của ACBS như thế nào, và kiểm toán tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà ACBS gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của ACBS. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của ACBS. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của ACBS được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà ACBS gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của ACBS. ACBS, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của ACBS nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, ACBS ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của ACBS.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**Tài sản bảo đảm**

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. ACBS ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Các loại tài sản bảo đảm thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại ACBS. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của ACBS tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền:			
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	5	306.450.270.662	151.035.296.481
Các khoản tương đương tiền (i)	5	200.500.000.000	425.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	7(b)	5.119.390.662.949	2.361.393.479.452
Các khoản cho vay:			
Cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	7(c)	4.462.103.807.065	1.979.945.476.320
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (iii)	7(c)	112.892.411.183	67.991.341.407
Các khoản phải thu khác:			
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC (iv)		85.424.371.187	49.453.459.970
Phải thu từ bán TSTC(iv)		20.012.410.000	543.937.000
Phải thu các dịch vụ cung cấp (iv)	11	4.743.346.122	3.451.220.747
Tài sản ngắn hạn khác	13	6.958.051.216	6.961.131.558
<b>Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng</b>		<b>10.318.475.330.384</b>	<b>5.045.775.342.935</b>

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của ACBS chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho ACBS.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Cho vay giao dịch ký quỹ**

Cho vay giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt bởi các cấp quản lý và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm tình hình hoạt động kinh doanh của công ty niêm yết, biến động giá và tính thanh khoản của cổ phiếu.

Bộ phận Nghiệp vụ chứng khoán có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một khách hàng là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2023, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ		
▪ Quá hạn từ 3 năm trở lên	117.476.188.572	116.201.992.743

**(iii) Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng**

Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2023, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn hoặc chưa thu hồi mà bị suy giảm giá trị.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(iv) Các khoản phải thu khác**

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà ACBS không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của ACBS là đảm bảo đến mức cao nhất có thể ACBS luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của ACBS.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và khoản thanh toán tiền lãi ước tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

2023	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền	Trong vòng 1 năm
	VND	theo hợp đồng	VND
Vay ngắn hạn	5.922.517.000.000	5.922.517.000.000	5.922.517.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	145.049.343.773	145.049.343.773	145.049.343.773
Phải trả người bán	7.909.241.469	7.909.241.469	7.909.241.469
Chi phí phải trả ngắn hạn	29.944.371.705	29.944.371.705	29.944.371.705
Các khoản phải trả khác	8.519.727.220	8.519.727.220	8.519.727.220
	6.113.939.684.167	6.113.939.684.167	6.113.939.684.167

2022	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền	Trong vòng 1 năm
	VND	theo hợp đồng	VND
Vay ngắn hạn	1.342.964.000.000	1.342.964.000.000	1.342.964.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	38.909.146.263	38.909.146.263	38.909.146.263
Phải trả người bán	4.061.971.429	4.061.971.429	4.061.971.429
Chi phí phải trả ngắn hạn	43.587.730.207	43.587.730.207	43.587.730.207
Các khoản phải trả khác	1.179.125.129	1.179.125.129	1.179.125.129
	1.430.701.973.028	1.430.701.973.028	1.430.701.973.028

ACBS quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

ACBS cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của ACBS hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà ACBS nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

ACBS có thể phải chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của ACBS, tức là VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ACBS không có các số dư từ các giao dịch này.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của ACBS như sau:

Các công cụ tài chính có lãi suất cố định	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023	1/1/2023
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	506.950.270.662	576.035.296.481
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.119.390.662.949	2.361.393.479.452
Các khoản cho vay – thuần	4.457.520.336.516	1.931.735.061.034
Tài sản ngắn hạn khác	6.958.051.216	6.961.131.558
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay ngắn hạn	(5.922.517.000.000)	(1.342.964.000.000)

**(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do ACBS nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. ACBS quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu rủi ro về giá cổ phiếu của ACBS như sau:

	Giá trị hợp lý	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Các công cụ tài chính có rủi ro về giá cổ phiếu</b>		
Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	1.316.351.767.495	488.686.617.868
▪ <i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM</i>	645.524.304.645	360.969.986.368
▪ <i>Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền do Công ty phát hành</i>	670.827.462.850	127.716.631.500
Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL	138.985.807.000	33.828.143.000
▪ <i>Phải trả chứng quyền có bảo đảm</i>	138.985.807.000	33.828.143.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 5% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, mức chênh lệch thuần đánh giá lại của tài sản tài chính của ACBS và nợ phải trả tài chính của Công ty lần lượt sẽ tăng/giảm 52.654 triệu VND và 5.559 triệu VND (1/1/2023: tăng/giảm 19.547 triệu VND và 1.353 triệu VND).





**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	1.316.359.984.196	1.316.359.984.196	488.694.834.569	488.694.834.569
- Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	645.524.304.645	645.524.304.645	360.969.986.368	360.969.986.368
- Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	8.216.701	8.216.701	8.216.701	8.216.701
- Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	670.827.462.850	670.827.462.850	127.716.631.500	127.716.631.500
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	506.950.270.662	506.950.270.662	576.035.296.481	576.035.296.481
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	5.119.390.662.949	5.119.390.662.949	2.361.393.479.452	2.361.393.479.452
▪ Các khoản cho vay – thuần (i)	4.457.520.336.516	4.457.520.336.516	1.931.735.061.034	1.931.735.061.034
▪ Các khoản phải thu (i)	104.137.688.207	104.137.688.207	48.698.303.990	48.698.303.990
▪ Trả trước cho người bán (i)	18.681.697.410	18.681.697.410	16.253.263.672	16.253.263.672
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp (i)	4.743.346.122	4.743.346.122	3.451.220.747	3.451.220.747
▪ Các khoản phải thu khác (i)	989.359.981	989.359.981	671.617.513	671.617.513
▪ Tài sản ngắn hạn khác (i)	6.958.051.216	6.958.051.216	6.961.131.558	6.961.131.558
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	6.937.962.100	(*)	6.937.962.100	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	20.000.000.000	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	15.024.772.832	(*)	15.012.663.057	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Các khoản đầu tư	61.920.280.000	(*)	61.920.280.000	(*)

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(138.985.807.000)	(138.985.807.000)	(33.828.143.000)	(33.828.143.000)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn (i)	(5.922.517.000.000)	(5.922.517.000.000)	(1.342.964.000.000)	(1.342.964.000.000)
▪ Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký (i)	(6.063.536.773)	(6.063.536.773)	(5.081.003.263)	(5.081.003.263)
▪ Phải trả người bán (i)	(7.909.241.469)	(7.909.241.469)	(4.061.971.429)	(4.061.971.429)
▪ Chi phí phải trả (i)	(29.944.371.705)	(29.944.371.705)	(43.626.730.207)	(43.626.730.207)
▪ Các khoản phải trả khác (i)	(8.519.727.220)	(8.519.727.220)	(1.179.125.129)	(1.179.125.129)

(i) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các tài sản và nợ phải trả này có kỳ hạn ngắn.

(\*) ACBS chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng	255.185.625.335	149.185.877.802
Tiền gửi bù trừ và thanh toán	51.264.645.327	1.849.418.679
Các khoản tương đương tiền (i)	200.500.000.000	425.000.000.000
	<u>506.950.270.662</u>	<u>576.035.296.481</u>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng có lãi suất năm là 3,85% (1/1/2023: từ 5,50% đến 6,00%).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2023		2022	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
<b>a) Công ty</b>				
Cổ phiếu	898.583.245	8.151.783.253.600	518.102.893	6.372.842.577.790
Chứng quyền	108.000.000	12.153.771.500.000	21.140.000	2.189.401.190.000
Chứng khoán khác	2.000	249.142.590.000	3.076	424.376.290.000
<b>b) Nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	10.842.872.343	202.211.052.503.462	9.635.729.282	219.052.501.468.860
Chứng quyền	4.000.000	417.214.500.000	1.500.000	154.328.500.000
Chứng khoán khác	379.795	41.664.928.720.000	408.838	50.059.499.410.000
	<u>11.853.837.383</u>	<u>264.847.893.067.062</u>	<u>10.176.884.089</u>	<u>278.252.949.436.650</u>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM</b>	<b>758.767.622.510</b>	<b>645.524.304.645</b>	<b>528.078.862.630</b>	<b>360.969.986.368</b>
STB	185.589.279.488	179.522.850.000	-	-
BTS	96.516.948.816	38.126.088.000	96.516.948.816	45.751.305.600
HPG	56.833.275.932	60.760.505.000	46.473.553.626	42.198.156.000
Khác	419.828.118.274	367.114.861.645	385.088.360.188	273.020.524.768

Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch

	7.770.909	8.216.701	7.770.909	8.216.701
PME	2.163.000	2.163.000	2.163.000	2.163.000
TAC	1.778.400	1.824.000	1.778.400	1.824.000
VIS	924.000	1.023.000	924.000	1.023.000
Khác	2.905.509	3.206.701	2.905.509	3.206.701

Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền

	684.947.816.274	670.827.462.850	148.794.721.689	127.716.631.500
STB	152.247.556.580	148.299.905.000	-	-
MBB	118.662.711.185	121.299.133.750	19.379.037.263	14.952.240.000
HPG	102.802.546.661	110.440.008.900	39.972.526.846	36.295.200.000
TCB	80.692.534.778	79.124.760.000	25.214.752.711	19.943.016.500
MWG	78.099.884.183	72.764.280.000	18.960.253.648	15.572.700.000
Khác	152.442.582.887	138.899.375.200	45.268.151.221	40.953.475.000
	<u>1.443.723.209.693</u>	<u>1.316.359.984.196</u>	<u>676.881.355.228</u>	<u>488.694.834.569</u>



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	4.932.172.662.949	-	2.293.753.479.452	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – Chứng quyền (**)	187.218.000.000	-	67.640.000.000	-
	<b>5.119.390.662.949</b>	<b>-</b>	<b>2.361.393.479.452</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng có thời hạn đáo hạn còn lại từ 2 đến 8 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 2,40%/năm đến 9,00%/năm (1/1/2023: từ 4,80%/năm đến 9,60%/năm)

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm 4.359.718 triệu VND (1/1/2023: 1.059.440 triệu VND) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19)

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có đảm bảo do Công ty phát hành là khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn đáo hạn còn lại từ 5 tháng đến 6 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 3,70% năm đến 7,00%/năm (1/1/2023: từ 6,00%/năm đến 8,20%/năm).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản cho vay**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	4.462.103.807.065	4.344.627.925.333	1.979.945.476.320	1.863.743.719.627
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng	112.892.411.183	112.892.411.183	67.991.341.407	67.991.341.407
	<b>4.574.996.218.248</b>	<b>4.457.520.336.516</b>	<b>2.047.936.817.727</b>	<b>1.931.735.061.034</b>

(i) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay và tạm ứng được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các khoản cho vay này có kỳ hạn ngắn.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay và tạm ứng	117.476.188.572	117.475.881.732	116.201.992.743	116.201.756.693
<b>2023</b>	<b>Tại ngày 31/12/2023</b>			
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Dự phòng trích lập trong năm VND</b>
	117.476.188.572	306.840	117.475.881.732	116.201.756.693
			<b>Dự phòng tại ngày 1/1/2023 VND</b>	<b>Dự phòng hoàn nhập trong năm VND</b>
			116.201.756.693	1.274.125.039
<b>2022</b>	<b>Tại ngày 31/12/2022</b>			
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Dự phòng hoàn nhập trong năm VND</b>
	116.201.992.743	236.050	116.201.756.693	116.201.087.728
			<b>Dự phòng tại ngày 1/1/2021 VND</b>	668.965
			116.201.087.728	

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản phải thu

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	76.567.343.576	26.719.077.729
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	20.012.410.000	543.937.000
Lãi dự thu từ ngân hàng mẹ	7.931.297.611	22.463.712.241
Dự thu cổ tức – Cổ phiếu niêm yết	925.680.000	270.620.000
Khác	50.000	50.000
	<u>105.436.781.187</u>	<u>49.997.396.970</u>

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Thuê văn phòng	11.797.419.036	1.232.048.230
Sửa chữa và thiết kế văn phòng	3.342.989.600	10.939.756.900
Ứng trước tiền mua và sửa chữa hệ thống phần mềm	268.125.600	2.809.222.140
Khác	3.273.163.174	1.272.236.402
	<u>18.681.697.410</u>	<u>16.253.263.672</u>

11. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu môi giới chứng khoán	3.831.126.385	2.215.961.311
Phải thu hoạt động tư vấn	224.000.000	775.600.000
Khác	688.219.737	459.659.436
	<u>4.743.346.122</u>	<u>3.451.220.747</u>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí phần mềm	5.664.596.030	3.442.579.339
Chi phí khác	2.268.211.195	2.077.673.972
	<u>7.932.807.225</u>	<u>5.520.253.311</u>

13. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	6.958.051.216	6.961.131.558

14. Đầu tư khác

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2023			1/1/2023		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>							
Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam	10,20%	10.520.280.000	(*)	-	10.520.280.000	(*)	-
Công ty cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu	10,16%	51.400.000.000	(*)	-	51.400.000.000	(*)	-
		<u>61.920.280.000</u>		<u>-</u>	<u>61.920.280.000</u>		<u>-</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, ACBS chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định hữu hình**

**2023**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	3.233.002.203	5.081.024.436	66.179.264.496	3.751.022.523	140.690.048.053
Tăng trong năm	-	-	-	12.226.729.800	823.994.350	13.050.724.150
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	-	-	3.870.769.600	-	3.870.769.600
Thanh lý	-	(829.376.401)	(491.368.800)	(551.913.766)	(222.619.100)	(2.095.278.067)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>62.445.734.395</b>	<b>2.403.625.802</b>	<b>4.589.655.636</b>	<b>81.724.850.130</b>	<b>4.352.397.773</b>	<b>155.516.263.736</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	36.245.753.723	3.233.002.203	2.230.282.886	33.119.955.435	2.246.699.655	77.075.693.902
Khấu hao trong năm	2.497.829.376	-	668.619.659	14.487.260.825	567.931.910	18.221.641.770
Thanh lý	-	(829.376.401)	(491.368.800)	(517.742.403)	(222.619.100)	(2.061.106.704)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38.743.583.099</b>	<b>2.403.625.802</b>	<b>2.407.533.745</b>	<b>47.089.473.857</b>	<b>2.592.012.465</b>	<b>93.236.228.968</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	26.199.980.672	-	2.850.741.550	33.059.309.061	1.504.322.868	63.614.354.151
Số dư cuối năm	23.702.151.296	-	2.182.121.891	34.635.376.273	1.760.385.308	62.280.034.768

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

2022

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	4.838.053.139	4.919.438.800	35.339.784.135	2.310.884.203	109.853.894.672
Tăng trong năm	-	-	1.575.225.636	18.870.864.241	1.440.138.320	21.886.228.197
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	-	-	13.676.547.400	-	13.676.547.400
Thanh lý	-	-	(1.413.640.000)	-	-	(1.413.640.000)
Xóa sổ	-	(1.605.050.936)	-	(1.707.931.280)	-	(3.312.982.216)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	3.233.002.203	5.081.024.436	66.179.264.496	3.751.022.523	140.690.048.053
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	33.747.924.347	4.838.053.139	3.044.505.081	27.338.445.479	2.168.108.737	71.137.036.783
Khấu hao trong năm	2.497.829.376	-	599.417.805	7.489.441.236	78.590.918	10.665.279.335
Thanh lý	-	-	(1.413.640.000)	-	-	(1.413.640.000)
Xóa sổ	-	(1.605.050.936)	-	(1.707.931.280)	-	(3.312.982.216)
Số dư cuối năm	36.245.753.723	3.233.002.203	2.230.282.886	33.119.955.435	2.246.699.655	77.075.693.902
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	28.697.810.048	-	1.874.933.719	8.001.338.656	142.775.466	38.716.857.889
Số dư cuối năm	26.199.980.672	-	2.850.741.550	33.059.309.061	1.504.322.868	63.614.354.151

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 30.051 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2023: 26.643 triệu VND).



Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

2023	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	56.045.643.611	724.000.000	56.769.643.611
Tăng trong năm	639.717.000	-	639.717.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 17)	8.457.370.000	-	8.457.370.000
Số dư cuối năm	65.142.730.611	724.000.000	65.866.730.611
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	44.235.374.045	349.743.725	44.585.117.770
Khấu hao trong năm	4.760.076.124	175.333.332	4.935.409.456
Số dư cuối năm	48.995.450.169	525.077.057	49.520.527.226
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	11.810.269.566	374.256.275	12.184.525.841
Số dư cuối năm	16.147.280.442	198.922.943	16.346.203.385

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

2022	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	47.800.410.182	198.000.000	47.998.410.182
Tăng trong năm	696.500.000	526.000.000	1.222.500.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 17)	8.571.132.223	-	8.571.132.223
Xóa sổ	(1.022.398.794)	-	(1.022.398.794)
Số dư cuối năm	56.045.643.611	724.000.000	56.769.643.611
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	41.425.146.843	198.000.000	41.623.146.843
Khấu hao trong năm	3.832.625.996	151.743.725	3.984.369.721
Xóa sổ	(1.022.398.794)	-	(1.022.398.794)
Số dư cuối năm	44.235.374.045	349.743.725	44.585.117.770
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	6.375.263.339	-	6.375.263.339
Số dư cuối năm	11.810.269.566	374.256.275	12.184.525.841

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 44.890 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2023: 33.279 triệu VND).

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.030.640.000	2.553.768.000
Tăng trong năm	17.263.139.600	25.175.301.623
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(3.450.750.000)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 15)	(3.870.769.600)	(13.676.547.400)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 16)	(8.457.370.000)	(8.571.132.223)
Số dư cuối năm	6.965.640.000	2.030.640.000

Số dư xây dựng cơ bản dở dang thể hiện khoản chi phí sửa chữa tài sản cố định chưa được nghiệm thu.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

### (a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2.500 triệu VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Lãi phát sinh	861.974.772	1.181.866.225
Lãi nhận được	(861.974.772)	(1.181.866.225)
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

### (b) Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối thiểu.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***19. Vay ngắn hạn**

Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết biến động số dư vay ngắn hạn của Công ty trong năm như sau:

	<b>Lãi suất %/năm</b>	<b>Số dư tại ngày 1/1/2023 VND</b>	<b>Số vay trong năm VND</b>	<b>Số trả trong năm VND</b>	<b>Số dư tại ngày 31/12/2023 VND</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3,2% - 8,0%	-	4.721.600.000.000	(2.921.600.000.000)	1.800.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4,0% - 7,4%	-	2.765.000.000.000	(1.765.000.000.000)	1.000.000.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	3,90%	-	600.000.000.000	-	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3,6% - 6,3%	-	650.000.000.000	(200.000.000.000)	450.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	3,5% - 7,8%	-	2.100.000.000.000	(1.700.000.000.000)	400.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	5,6% - 8,0%	-	776.000.000.000	(480.000.000.000)	296.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5,3% - 8,0%	450.000.000.000	4.370.000.000.000	(4.600.000.000.000)	220.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	3,8% - 7,0%	-	450.000.000.000	(270.000.000.000)	180.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	3,2% - 3,5%	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	7,5%	95.000.000.000	200.000.000.000	(295.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	9,0% - 10,0%	-	700.000.000.000	(700.000.000.000)	-
Ngân hàng Maybank Việt Nam	7,0% - 7,3%	-	150.000.000.000	(150.000.000.000)	-
Ngân hàng CTBC Việt Nam					
– Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5,6% - 6,4%	-	223.000.000.000	(223.000.000.000)	-
Vay khác	5,0% - 8,3%	797.964.000.000	826.517.000.000	(797.964.000.000)	826.517.000.000
		<b>1.342.964.000.000</b>	<b>18.682.117.000.000</b>	<b>(14.102.564.000.000)</b>	<b>5.922.517.000.000</b>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký	6.063.536.773	5.081.003.263
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (*)	138.985.807.000	33.828.143.000
	<u>145.049.343.773</u>	<u>38.909.146.263</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng chứng quyền do ACBS phát hành như sau:

Mã chứng quyền	31/12/2023		1/1/2023	
	Được phép phát hành	Được lưu hành	Được phép phát hành	Được lưu hành
CSTB2306	19.000.000	18.026.400	-	-
CHPG2309	18.000.000	14.533.200	-	-
CMBB2306	15.000.000	13.801.000	-	-
CHPG2225	-	-	9.000.000	8.411.500
CMWG2213	-	-	9.000.000	7.767.600
CTCB2214	-	-	4.500.000	4.132.900
CMBB2213	-	-	4.500.000	3.847.800
Khác	108.800.000	52.832.000	32.500.000	9.402.800
	<u>160.800.000</u>	<u>99.192.600</u>	<u>59.500.000</u>	<u>33.562.600</u>

## 21. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả mua các tài sản tài chính khác	5.748.518.000	3.485.548.000
Phải trả cho người bán khác	2.160.723.469	576.423.429
	<u>7.909.241.469</u>	<u>4.061.971.429</u>





**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

2023	1/1/2023 VND		Phải nộp VND	Đã trả VND	Cân trừ VND	31/12/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.108.548.213	178.451.056	95.715.878.287	(59.111.719.454)	-	-	18.674.061.676
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.625.700.604	16.846.858.435	(15.949.124.178)	-	-	3.523.434.861
Thuế thu nhập nhà đầu tư	-	10.985.833.146	150.779.076.698	(147.672.868.877)	-	-	14.092.040.967
Thuế giá trị gia tăng	-	314.858.903	661.373.743	(432.743.025)	(275.154.489)	-	268.335.132
Các loại thuế khác	-	2.640.434.810	14.014.521.644	(15.673.503.524)	-	-	981.452.930
	18.108.548.213	16.745.278.519	278.017.708.807	(238.839.959.058)	(275.154.489)	-	37.539.325.566
<b>2022</b>		<b>1/1/2022 VND</b>	<b>Phải nộp VND</b>	<b>Đã trả VND</b>	<b>Cân trừ VND</b>		<b>31/12/2022 VND</b>
		<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>			<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	35.715.856.394	19.829.052.268	(73.475.005.819)	-	18.108.548.213	178.451.056
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.056.528.099	31.234.525.952	(34.665.353.447)	-	-	2.625.700.604
Thuế thu nhập nhà đầu tư	-	18.759.745.860	154.168.081.213	(161.941.993.927)	-	-	10.985.833.146
Thuế giá trị gia tăng	-	215.658.018	1.047.831.751	(585.911.177)	(362.719.689)	-	314.858.903
Các loại thuế khác	-	1.956.144.226	17.714.964.375	(17.030.673.791)	-	-	2.640.434.810
	-	62.703.932.597	223.994.455.559	(287.698.938.161)	(362.719.689)	18.108.548.213	16.745.278.519

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	23.489.946.168	40.588.562.107
Các chi phí khác	6.454.425.537	3.038.168.100
	<u>29.944.371.705</u>	<u>43.626.730.207</u>

### 24. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của ACBS là:

	31/12/2023 Được duyệt và đã góp		31/12/2022 Được duyệt và đã góp	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng TMCP Á Châu	4.000.000.000.000	100%	3.000.000.000.000	100%

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Góp vốn bằng tiền của Ngân hàng TMCP Á Châu	1.000.000.000.000	-
Số dư cuối năm	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000.000</u>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 25. Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

#### (a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (Số lượng)

	31/12/2023	1/1/2023
Cổ phiếu	3.850.094	3.850.094
Trái phiếu	200.000	200.000
	<u>4.050.094</u>	<u>4.050.094</u>

#### (b) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	646.212.170.000	315.528.532.000
TSTC chờ thanh toán	16.334.160.000	1.035.714.000
	<u>662.546.330.000</u>	<u>316.564.246.000</u>

#### (c) TSTC chờ về của Công ty

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ phiếu	760.000.000	750.000.000
Chứng quyền	6.135.630.000	1.580.993.000
	<u>6.895.630.000</u>	<u>2.330.993.000</u>



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu hoạt động****(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL**

2023	Số lượng	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu	104.425.545	3.063.438.913.600	2.954.358.774.535	109.080.139.065	(168.340.102.257)
Trái phiếu	55.000.000	6.181.271.000.000	6.180.660.500.000	610.500.000	(338.110.000)
Chứng quyền do tổ chức khác phát hành	-	-	-	-	(13.314.947.135)
Chứng chỉ quỹ ETF	5.000	113.400.000	113.750.000	(350.000)	-
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	180.207.978	-
Lãi/(lỗ) bán chứng khoán cơ sở				109.870.497.043	(181.993.159.392)
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do tổ chức khác phát hành				-	2.514.053.100
Lãi thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán phái sinh – Hợp đồng tương lai				995.130.000	826.250.000
Lỗ/(lãi) khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				(23.898.299.471)	47.274.279.997
Lãi/(lỗ) khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				10.853.068.592	(8.427.555.900)
				<b>97.820.396.164</b>	<b>(139.806.132.195)</b>



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)****(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL (tiếp theo)**

2022	Số lượng	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu	63.616.693	2.927.403.363.790	3.095.743.466.047	(168.340.102.257)	249.653.693.557
Trái phiếu	10.570.000	1.094.531.540.000	1.094.869.650.000	(338.110.000)	(4.627.230.000)
Chứng quyền do tổ chức khác phát hành	12.739.500	14.549.965.000	27.864.912.135	(13.314.947.135)	(27.157.065.433)
Chứng chỉ quỹ ETF	-	-	-	-	3.458.163.088
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	-
(Lỗ)/lãi bán chứng khoán cơ sở				(181.993.159.392)	221.327.561.212
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do tổ chức khác phát hành				2.514.053.100	38.680.872.060
Lãi/(lỗ) thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán phái sinh – hợp đồng tương lai				826.250.000	(4.587.500.000)
Lãi/(lỗ) khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				47.274.279.997	(46.931.235.250)
(Lỗ)/lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				(8.427.555.900)	9.422.945.800
				(139.806.132.195)	217.912.643.822



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)****(b) Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC và phải trả chứng quyền đang lưu hành theo FVTPL**

	<b>Giá gốc tại ngày 31/12/2023 VND</b>	<b>Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2023 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2023 VND</b>	<b>Chênh lệch lãi đánh giá lại trong năm VND</b>
<b>TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	758.767.622.510	645.524.304.645	(113.243.317.865)	(167.108.876.262)	53.865.558.397
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.770.909	8.216.701	445.792	445.792	-
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	684.947.816.274	670.827.462.850	(14.120.353.424)	(21.078.090.189)	6.957.736.765
	<b>1.443.723.209.693</b>	<b>1.316.359.984.196</b>	<b>(127.363.225.497)</b>	<b>(188.186.520.659)</b>	<b>60.823.295.162</b>
	<b>Giá gốc tại ngày 31/12/2023 VND</b>	<b>Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2023 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2023 VND</b>	<b>Chênh lệch lãi đánh giá lại trong năm VND</b>
<b>Chứng quyền có bảo đảm</b>	204.465.638.900	138.985.807.000	65.479.831.900	(3.493.710.008)	68.973.541.908

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)**

**(b) Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC và phải trả chứng quyền đang lưu hành theo FVTPL (tiếp theo)**

	<b>Giá gốc tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2022 VND</b>	<b>Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND</b>
<b>TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	528.078.862.630	360.969.986.368	(167.108.876.262)	2.396.159.338	(169.505.035.600)
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.770.909	8.216.701	445.792	430.918	14.874
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	148.794.721.689	127.716.631.500	(21.078.090.189)	13.286.741.825	(34.364.832.014)
Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành	-	-	-	(4.604.485.135)	4.604.485.135
	<b>676.881.355.228</b>	<b>488.694.834.569</b>	<b>(188.186.520.659)</b>	<b>11.078.846.946</b>	<b>(199.265.367.605)</b>
	<b>Giá gốc tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2022 VND</b>	<b>Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND</b>
<b>Chứng quyền có bảo đảm</b>	30.334.432.992	33.828.143.000	(3.483.710.008)	(42.409.461.000)	38.915.750.992



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**26. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)**

**(c) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu**

	2023 VND	2022 VND
Từ TSTC ghi nhận theo FVTPL, nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.600.862.426	23.188.611.184
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	4.207.328.776	9.115.075.777
▪ Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	12.393.533.650	14.073.535.407
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	190.274.472.699	85.999.190.056
Từ các khoản cho vay và phải thu	343.880.610.399	354.037.522.300
▪ Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	336.215.104.987	349.284.588.423
▪ Thu nhập từ dịch vụ ứng trước tiền bán	4.752.739.310	4.752.933.877
▪ Thu nhập từ hoạt động gia hạn khoản vay ký quỹ	2.912.766.102	-
	550.755.945.524	463.225.323.540

**(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC**

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán	313.091.154.245	498.213.087.255
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	12.646.237.505	7.455.318.107
Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính	1.943.181.818	1.975.537.273
Thu nhập hoạt động khác	2.594.115.842	1.610.726.000
	330.274.689.410	509.254.668.635

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**27. Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay**

	2023 VND	2022 VND
Trích lập chi phí dự phòng TSTC và tài sản thế chấp (Thuyết minh 8)	1.274.125.039	668.965
Chi phí đi vay	194.168.198.904	168.412.291.516
Chi phí khác	407.263.957	12.064.582.679
	195.849.587.900	180.477.543.160

**28. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương cho nhân viên	118.532.260.499	127.128.607.174
Phí môi giới chứng khoán	57.160.350.360	60.524.837.273
Dịch vụ mua ngoài	37.101.244.435	23.061.918.760
Khấu hao tài sản cố định	16.400.361.715	10.861.402.111
Khác	25.368.453.357	27.858.366.463
	254.562.670.366	249.435.131.781

**29. Chi phí quản lý**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương	84.722.008.342	78.845.957.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.417.992.935	23.864.857.688
Khấu hao tài sản cố định	6.156.222.495	3.569.500.065
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	5.169.333.494	4.230.000.204
Chi phí văn phòng phẩm	2.278.611.430	1.637.206.366
Chi phí khác	5.110.040.401	5.682.892.754
	132.854.209.097	117.830.414.306

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

#### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2023 VND	2022 VND
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	95.715.878.287	19.777.475.495
Dự phòng thiếu các năm trước	-	51.576.773
	<u>95.715.878.287</u>	<u>19.829.052.268</u>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(187.460.118)	-
	<u>95.528.418.169</u>	<u>19.829.052.268</u>

#### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	491.964.919.380	97.761.261.454
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	98.392.983.876	19.552.252.291
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	(476.513.400)	2.944.110.000
Thu nhập không bị tính thuế	(2.478.706.730)	(2.814.707.081)
Chi phí không được khấu trừ thuế	90.654.423	95.820.285
Dự phòng thiếu các năm trước	-	51.576.773
	<u>95.528.418.169</u>	<u>19.829.052.268</u>

#### (b) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và Công ty con là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

ACBS có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
<b>Ngân hàng TMCP Á Châu</b>		
Nhận vốn góp chủ sở hữu	1.000.000.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	76.284.086.305	36.619.232.666
Chi phí thuê văn phòng, điện nước phải trả	1.792.912.336	2.044.594.586
Doanh thu hoạt động cho thuê	840.000.000	840.000.000
Doanh thu tư vấn	-	995.454.546
Doanh thu hoạt động môi giới	-	141.432.931.433
Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	-	51.400.000.000
Chi phí khác	70.301.107	102.292.806
<b>Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt</b>	<u>15.358.474.184</u>	<u>8.729.921.670</u>

ACBS có các số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Ngân hàng TMCP Á Châu</b>		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	212.720.776.675	146.694.248.405
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	897.622.662.949	1.414.439.780.822
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	350.000.000.000
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	7.931.297.611	22.463.712.241
Vốn góp	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000.000</u>

### 32. Các cam kết

#### Cam kết thuế

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	12.237.960.078	15.771.384.147
Từ hai đến năm năm	44.255.647.562	59.897.108.393
	<u>56.493.607.640</u>	<u>75.668.492.540</u>



Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 33. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Công ty tăng vốn điều lệ từ 4.000.000.000.000 VND lên 7.000.000.000.000 VND theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 1 năm 2024 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Chi tiết vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	26/1/2024		31/12/2023	
	Được duyệt và đã góp VND	%	Được duyệt và đã góp VND	%
Ngân hàng TMCP Á Châu	7.000.000.000.000	100%	4.000.000.000.000	100%

### 34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của ACBS tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc



**ACBS**

Số: 34.21CV-ACBS.24

TP.HCM, ngày 23 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

V/v Giải trình biến động lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2023 so với năm 2022 trên 10%.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") giải trình về chênh lệch lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2023 so với năm 2022 trên 10% như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Báo cáo tài chính	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Báo cáo tài chính hợp nhất	Lợi nhuận sau thuế	397	78	319

Lý do ảnh hưởng chủ yếu:

- Doanh thu hoạt động tăng với số tiền 282 tỷ đồng, trong đó: lãi từ hoạt động đầu tư tăng 472 tỷ đồng; doanh thu hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán giảm 180 tỷ đồng; lãi từ các khoản cho vay giảm 10 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022.
- Chi phí hoạt động kinh doanh giảm 130 tỷ đồng, biến động giảm này chủ yếu từ khoản lỗ các tài sản tài chính giảm 152 tỷ đồng; chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay của các khoản cho vay tăng 15 tỷ đồng; chi phí nghiệp vụ môi giới tăng 7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022..
- Chi phí quản lý tăng 17 tỷ đồng.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 76 tỷ đồng.

Như vậy, do ảnh hưởng trọng yếu của yếu tố nêu trên, lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2023 so với năm 2022 đã tăng 319 tỷ đồng. ACBS giải trình để Quý Cơ quan hữu quan được rõ.

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu P.HC và P.KT



Nguyễn Đức Hoàn



**Kế hoạch 2024**



## 8.1 | TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG 2024

Năm 2024 được đánh giá là một năm chứa đựng rất nhiều cơ hội cho TTCK Việt Nam. Cụ thể

1

Mặc dù nền kinh tế thế giới năm 2024 được dự báo sẽ tăng trưởng thấp hơn so với năm 2023, tuy nhiên, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 được dự báo sẽ cao hơn so với năm 2023 (khoảng 6,0% so với mức 5,05% năm 2023) nhờ động lực từ FDI, sự hồi phục của xuất khẩu và tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công. Từ đó, hầu hết các doanh nghiệp niêm yết được dự báo sẽ có tăng trưởng lợi nhuận dương so với năm 2023.

2

FED và ngân hàng Trung Ương nhiều nước trên thế giới sẽ bắt đầu lộ trình cắt giảm lãi suất điều hành trong năm 2024, từ đó, áp lực mất giá lên các đồng tiền khác sẽ giảm bớt, trong đó có VND. Vì vậy, Việt Nam sẽ có nhiều dư địa hơn để giữ nền lãi suất ở mức thấp, hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế.

3

Dòng tiền của các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng quay trở lại các thị trường mới nổi và cận biên khi FED hạ lãi suất và thị trường chứng khoán Mỹ trở nên bớt hấp dẫn về cả triển vọng lợi nhuận và định giá. Việt Nam tuy là một thị trường cận biên, tuy nhiên quy mô tương đương một thị trường mới nổi. Bên cạnh đó, trong năm 2023, Chính phủ và UBCK đang quyết tâm tháo gỡ các khó khăn về mặt quy định và các vấn đề kỹ thuật để đạt được mục tiêu nâng hạng TTCK Việt Nam trước năm 2025.

Căn cứ trên các yếu tố trên, dự báo về TTCK Việt Nam năm 2024 tương đối lạc quan, với dư địa tăng giá của VNINDEX có thể đạt 13,4% hoặc thậm chí cao hơn, 24% nếu các điều kiện thuận lợi hội tụ. Yếu tố lớn nhất đóng góp tới sự tăng giá của TTCK Việt Nam bao gồm

1

Triển vọng lợi nhuận tích cực hơn của các doanh nghiệp trong năm 2024 so với 2023.

2

Sự quay trở lại của dòng tiền từ các nhà đầu tư nước ngoài.

3

Nền lãi suất thấp và thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào sẽ khiến dòng tiền từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước tích cực tham gia vào TTCK hơn.

4

UBCK sẽ tiếp tục nỗ lực để chính thức triển khai hệ thống KRX và xử lý các vướng mắc nhằm đạt mục tiêu nâng hạng TTCK Việt Nam.

Tuy nhiên, năm 2024, chúng ta cũng phải cân nhắc đến các hiện tượng thiên nga đen như rủi ro địa chính trị có thể là yếu tố làm thay đổi hoàn toàn các kịch bản dự phóng.

## 8.2 | KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KHỐI BÁN LẺ

Bước sang năm 2024, môi trường kinh doanh sẽ còn nhiều biến động nhưng tâm thế của ACBS là luôn chuẩn bị sẵn sàng cho mọi sự thay đổi. **Trọng tâm kinh doanh trong năm 2024 của ACBS là tập trung nguồn lực cho mảng Môi giới chứng khoán bởi đây được xem là nguồn thu ổn định và lâu dài.** Ngay từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024, ACBS đã đầu tư mạnh vào công nghệ và thúc đẩy việc thực hiện quá trình chuyển đổi số, hướng ACBS trở thành một trong những Công ty có nền tảng công nghệ tốt nhất trên thị trường. ACBS sẽ đầu tư "core" giao dịch mới hiện đại, nâng công suất lên gấp nhiều lần hệ thống hiện tại. Ngoài ra, core mới cũng giúp ACBS tích hợp nhiều tính năng, sản phẩm nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng. Các tiện ích cơ bản và nâng cao cũng sẽ được ACBS tích hợp lên các nền tảng trực tuyến, từ đó giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, dễ dàng chọn lựa và thao tác.

Ngoài việc đầu tư sâu vào công nghệ, ACBS cũng liên tục nâng cấp, cải tiến và cho ra đời nhiều sản phẩm mới nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi phân khúc khách hàng. Mục tiêu cuối cùng là hướng tới sự hài lòng và gia tăng trải nghiệm của khách hàng tại ACBS. Bên cạnh việc nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút khách hàng từ bên ngoài, ACBS cũng triển khai các chương trình ưu đãi, các sản phẩm dịch vụ được thiết kế riêng dành cho các khách hàng trong hệ sinh thái ngân hàng ACB. ACBS và ACB sẽ triển khai nhiều chương trình liên kết trên các nền tảng công nghệ nhằm hỗ trợ việc giao dịch của khách hàng nên dễ dàng và tiện lợi hơn.

**Năm 2024 dự kiến diễn ra nhiều sự kiện quan trọng như hệ thống KRX chính thức đi vào hoạt động, là năm bản lề trong lộ trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Chính vì thế, bước vào năm 2024, ACBS cũng lên kế hoạch chuẩn bị kỹ lưỡng cho giai đoạn phát triển mới của thị trường. Đầu tiên là về quy mô vốn, ACBS sẽ tiếp tục lộ trình tăng vốn trong năm 2024 nhằm nâng cao hơn nữa năng lực tài chính. Theo đó, ACBS sẽ mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ thông qua việc tăng dư nợ cho vay tối đa cho một khách hàng và tăng giới hạn cho vay tối đa đối với một cổ phiếu. Điều này giúp cho ACBS có thể gia tăng nhanh chóng quy mô về dư nợ và thị phần giao dịch.**

Về hoạt động Môi giới, ACBS sẽ đẩy mạnh các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ nhân viên môi giới và tư vấn đầu tư. Điểm nhấn trong năm 2024 là hoạt động đào tạo sẽ được tổ chức bài bản, thường xuyên, không chỉ dành cho nhân viên ACBS mà còn có những chương trình đào tạo dành cho khách hàng mới, giúp khách hàng có thêm kiến thức chuyên sâu về thị trường chứng khoán, từ đó có đủ sự tự tin để ra quyết định.

Về dịch vụ khách hàng định chế, ACBS định hướng cung cấp dịch vụ chuyên biệt dành cho từng khách hàng tổ chức trong nước và ngoài nước. Trong năm 2024, ACBS định hướng phát triển song song nhóm khách hàng trực tiếp cũng như chú trọng phát triển mạng lưới đối tác. Bên cạnh việc phát triển khách hàng, ACBS đang nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ, kỹ năng của đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng định chế với các dịch vụ của ACBS.



## 8.3 | KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO XU THẾ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG 2024

Trong năm 2024, bên cạnh việc đầu tư vào công nghệ nhằm nâng cao năng lực của hệ thống giao dịch và đảm bảo độ an toàn và ổn định, ACBS chú trọng phát triển công cụ hỗ trợ nắm bắt nhu cầu của Khách hàng nhanh chóng để cá nhân hóa trải nghiệm cho tất cả khách hàng một cách kịp thời, giúp cung cấp thông tin và sản phẩm dịch vụ phù hợp với từng đối tượng.

Đồng thời, với kỳ vọng ứng dụng công nghệ tiên tiến cho hoạt động đầu tư chứng khoán, ACBS đang triển khai giải pháp giúp chuẩn hóa việc thu thập, lưu trữ, và năng lực xử lý dữ liệu lớn. Đây là tiền đề trong việc cung cấp tính năng đầu tư dựa trên dữ liệu thay vì chỉ dựa vào kinh nghiệm cho Quý Khách hàng của chúng tôi.